PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Thông tư số 06/2016/TT-BGTVT ngày 08 tháng 4 năm 2016 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ

(Tiếp theo Công báo số 453 + 454)

QCVN 41:2016/BGTVT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ

National Technical Regulation on Traffic Signs and Signals

PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phụ lục N
MÃ HIỆU ĐƯỜNG CAO TỐC

Mã đường cao tốc	Tên đường cao tốc	Ghi chú
CT.01	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông Hà Nội - Cần Thơ	Điểm đầu: tại nút giao Pháp Vân Điểm cuối: TP. Cần Thơ Tuyến đi qua các vị trí: Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình - Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) - Bùng (Quảng Bình) - Cam Lộ (Quảng Trị) - Túy Loan (Đà Nẵng) - Quảng Ngãi - Bình Định - Nha Trang - Phan Thiết - Dầu Giây - Long Thành - Bến Lức - Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ
CT.02	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây Phú Thọ - Kiên Giang	Điểm đầu: Phú Thọ Điểm cuối: Kiên Giang Tuyến đi qua các vị trí: Đoan Hùng (Phú Thọ) - Chợ Bến (Hòa Bình) - Khe Cò (Hà Tĩnh) - Bùng (Quảng Bình) -

Mã đường cao tốc	Tên đường cao tốc	Ghi chú
		Cam Lộ (Quảng Trị) - Túy Loan (Đà Nẵng) - Ngọc Hồi (Kon Tum) - Chơn Thành (Đồng Nai) - Đức Hòa (Long An) - Mỹ An (Đồng Tháp) - Rạch Sỏi (Kiên Giang)
CT.03	Đường cao tốc Lạng Sơn - Bắc Giang - Bắc Ninh	Điểm đầu: Lạng Sơn Điểm cuối: Bắc Ninh
CT.04	Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Điểm đầu: Hà Nội Điểm cuối: Hải Phòng
CT.05	Đường cao tốc Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai	Điểm đầu: Hà Nội Điểm cuối: Lào Cai
CT.06	Đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái	Điểm đầu: Nội Bài Điểm cuối: Móng Cái
CT.07	Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới	Điểm đầu: Hà Nội Điểm cuối: Chợ Mới (Bắc Kạn)
CT.08	Đường cao tốc Láng - Hòa Lạc - Hòa Bình	Điểm đầu: Láng (Hà Nội) Điểm cuối: Hòa Bình
CT.09	Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh	Điểm đầu: Ninh Bình Điểm cuối: Quảng Ninh
CT.10	Đường cao tốc Hồng Lĩnh - Hương Sơn	Điểm đầu: Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) Điểm cuối: Hương Sơn (Hà Tĩnh)
CT.11	Đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	Điểm đầu: Cam Lộ (Quảng Trị) Điểm cuối: Lao Bảo (Quảng Trị)
CT.12	Đường cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Điểm đầu: Quy Nhơn (Bình Định) Điểm cuối: Pleiku (Gia Lai)
CT.13	Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Điểm đầu: Biên Hòa (Đồng Nai) Điểm cuối: Vũng Tàu
CT.14	Đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt	Điểm đầu: Dầu Giây (Đồng Nai) Điểm cuối: Đà Lạt (Lâm Đồng)

Mã đường cao tốc	Tên đường cao tốc	Ghi chú
CT.15	Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	Điểm đầu: TP. Hồ Chí Minh Điểm cuối: Nhơn Thành (Bình Phước)
CT.16	Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài	Điểm đầu: TP. Hồ Chí Minh Điểm cuối: Mộc Bài (Tây Ninh)
CT.17	Đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Điểm đầu: Châu Đốc (An Giang) Điểm cuối: Sóc Trăng
CT.18	Đường cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	Điểm đầu: Hà Tiên (Kiên Giang) Điểm cuối: Bạc Liêu
CT.19	Đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau	Điểm đầu: Cần Thơ Điểm cuối: Cà Mau
CT.20	Đường cao tốc vành đai 3 TP. Hà Nội	Trên địa phận thành phố Hà Nội
CT.21	Đường cao tốc vành đai 4 TP. Hà Nội	Trên địa phận thành phố Hà Nội
CT.22	Đường cao tốc vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh	Trên địa phận thành phố Hồ Chí Minh

Ghi chú: Mã hiệu đường cao tốc chưa có trong Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020 đã được phê duyệt sẽ được Bộ Giao thông vận tải cập nhật, bổ sung trong quá trình điều chỉnh quy hoạch và công bố.

Phụ lục O
KÍCH THƯỚC MÃ HIỆU ĐƯỜNG BỘ

a) Kích thước mã hiệu đường cao tốc

+ Kích thước cỡ chữ 40cm:

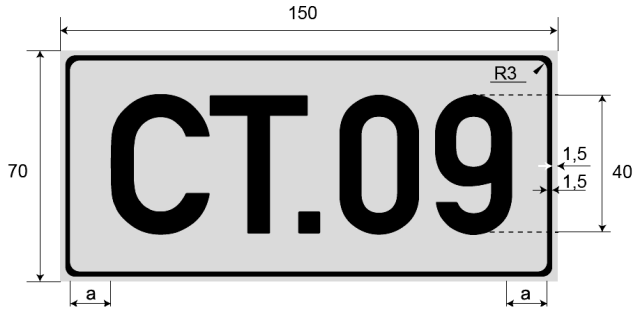

+ Kích thước cỡ chữ 33cm:

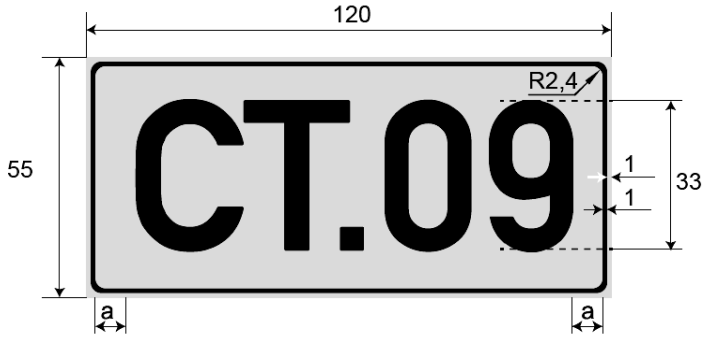

+ Kích thước cỡ chữ 30cm:

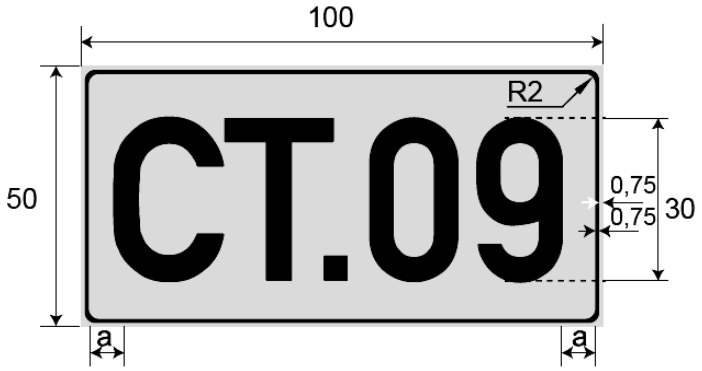

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2	
Nền	Vàng huỳnh quang			

b) Kích thước mã hiệu quốc lộ

+ Kích thước cỡ chữ 40cm:

+ Kích thước cỡ chữ 33cm:

+ Kích thước cỡ chữ 30cm:

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2	
Nền	Trắng			

c) Kích thước ký hiệu đường tỉnh:

+ Kích thước cỡ chữ 40cm:

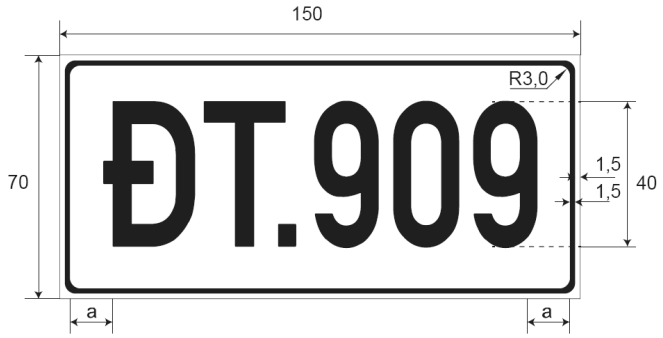

+ Kích thước cỡ chữ 33cm:

+ Kích thước cỡ chữ 30cm:

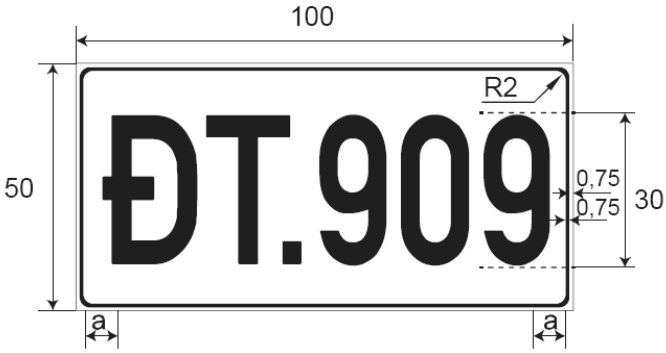

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2	
Nền	Trắng			

d) Kích thước mã hiệu đường huyện:

+ Kích thước cỡ chữ 40cm:

+ Kích thước cỡ chữ 33cm:

+ Kích thước cỡ chữ 30cm:

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2	
Nền	Trắng			

Phụ Lục P
CHI TIẾT CÁC THÔNG SỐ THIẾT KẾ BIỂN CHỈ DẪN TRÊN ĐƯỜNG CAO TỐC

P.1 Biển chỉ dẫn sơ đồ và khoảng cách đến nút giao với nhánh nối vào đường cao tốc

a) Biển số IE.450a:

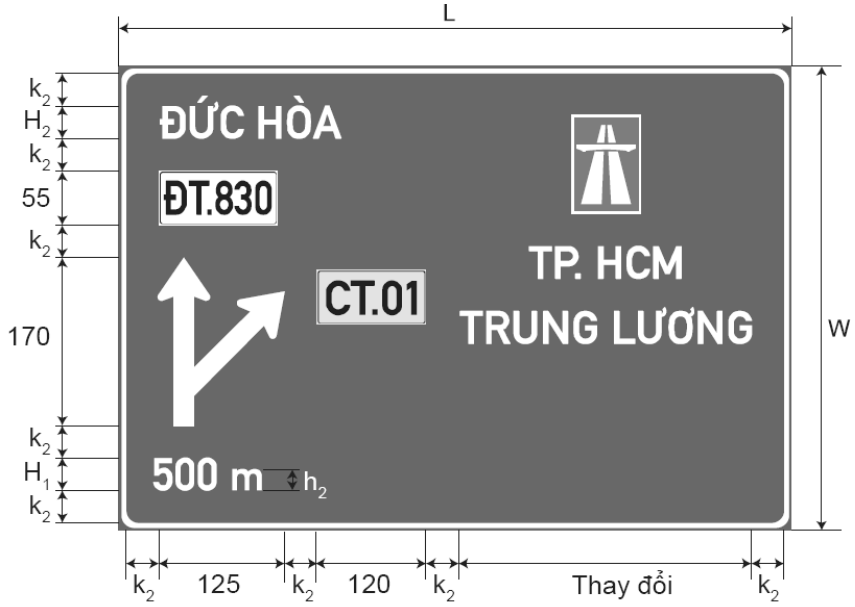

Ghi chú: $k_2 = H_2$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_1 = 40$ $k_2 = H_2 = 33$ $h_2 = 25$	
Nền	Xanh lam			
Biểu tượng đường cao tốc	Trắng, xanh lá cây		100 x 70	
Ký hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	
Ký hiệu đường tỉnh	Nền trắng, chữ số đen		55 x 120	

b) Biển số IE.450b:

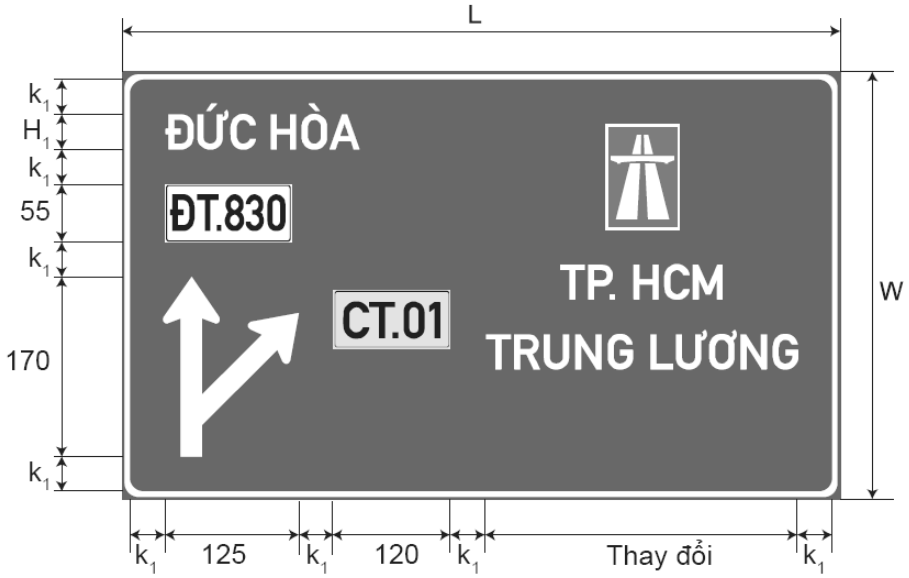

Ghi chú: $k_1 = H_1$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$	
Nền	Xanh lam			
Biểu tượng đường cao tốc	Trắng, xanh lá cây		100 x 70	
Mã hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	
Mã hiệu đường tỉnh	Nền trắng, chữ số đen		55 x 120	

P.2 Biển chỉ dẫn lối vào đường cao tốc

a) Biển số IE.451a:

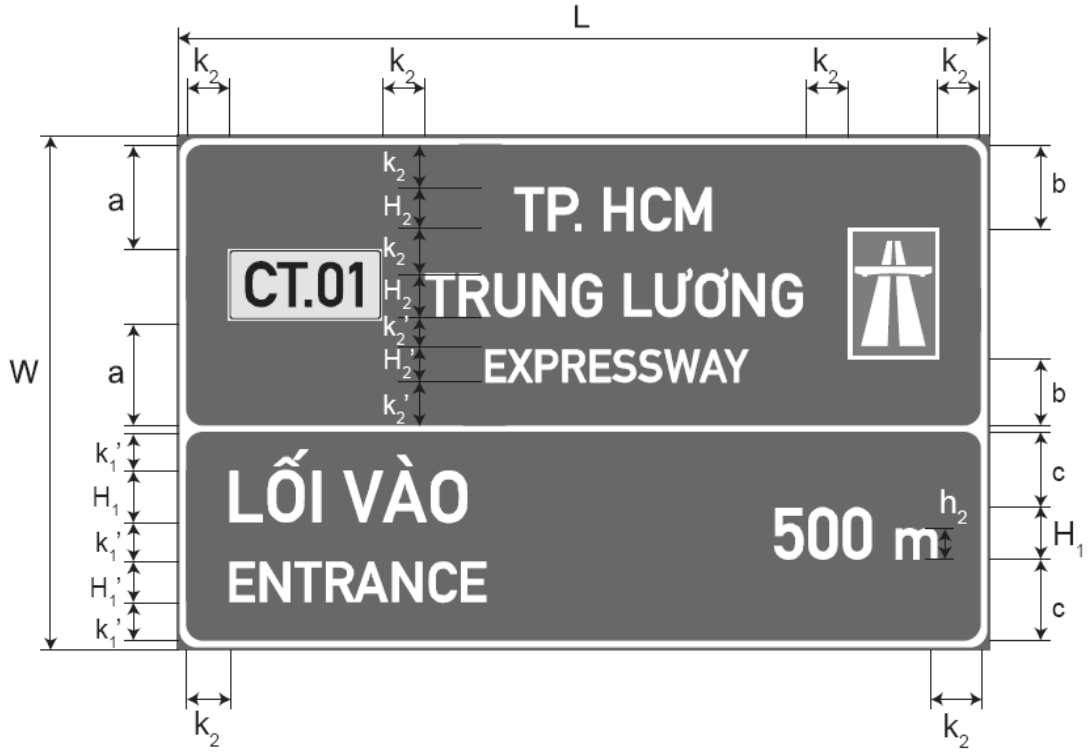

Ghi chú: a, b, c là khoảng cách căn giữa; $k_2 = H_2$; $k_2' = H_2'$; $k_1' = H_1'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2	
Nền	Xanh lam		$H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$ $k_2 = H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$ $h_2 = 25$	
Biểu tượng đường cao tốc	Nền xanh lá cây, hình vẽ trắng		100 x 70	
Mã hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	

b) Biển số IE.451b:

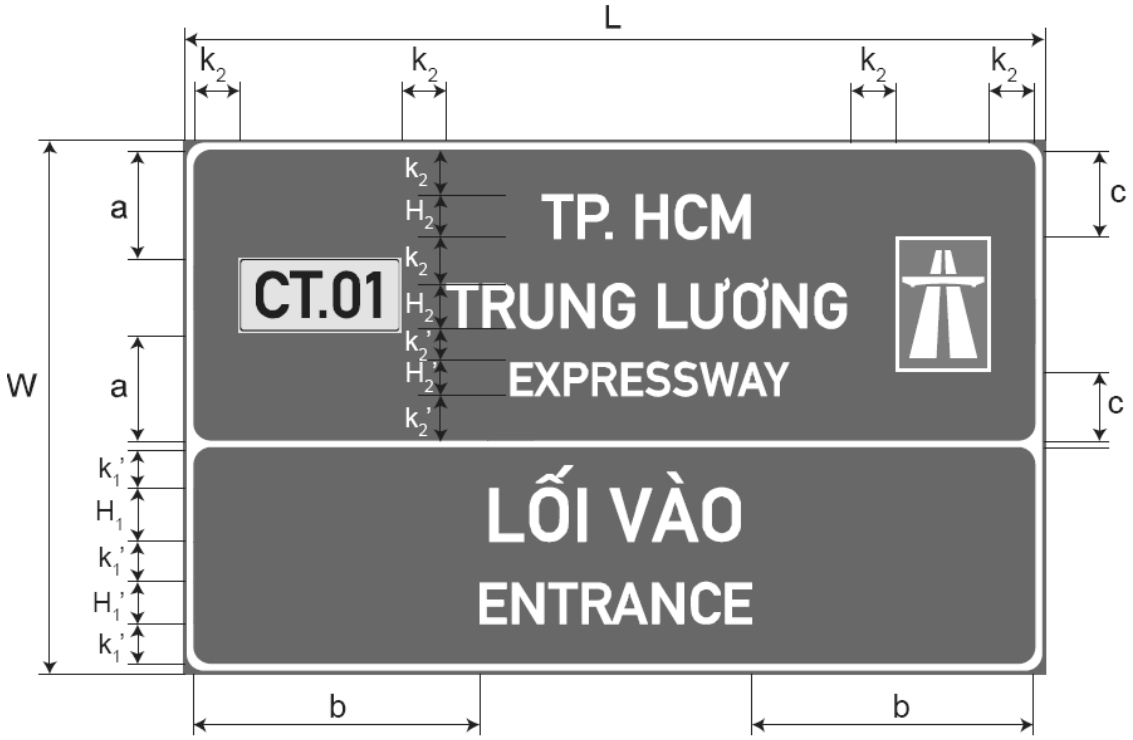

Ghi chú: a, b, c là khoảng cách căn giữa; $k_1' = H_1'$; $k_2 = H_2$; $k_2' = H_2'$;
L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$ $k_2 = H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$	
Nền	Xanh lam			
Biểu tượng đường cao tốc	Nền xanh lá cây, hình vẽ trắng		100 x 70	
Mã hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	

P.3 Biển chỉ dẫn bắt đầu đường cao tốc

Biển số IE.452

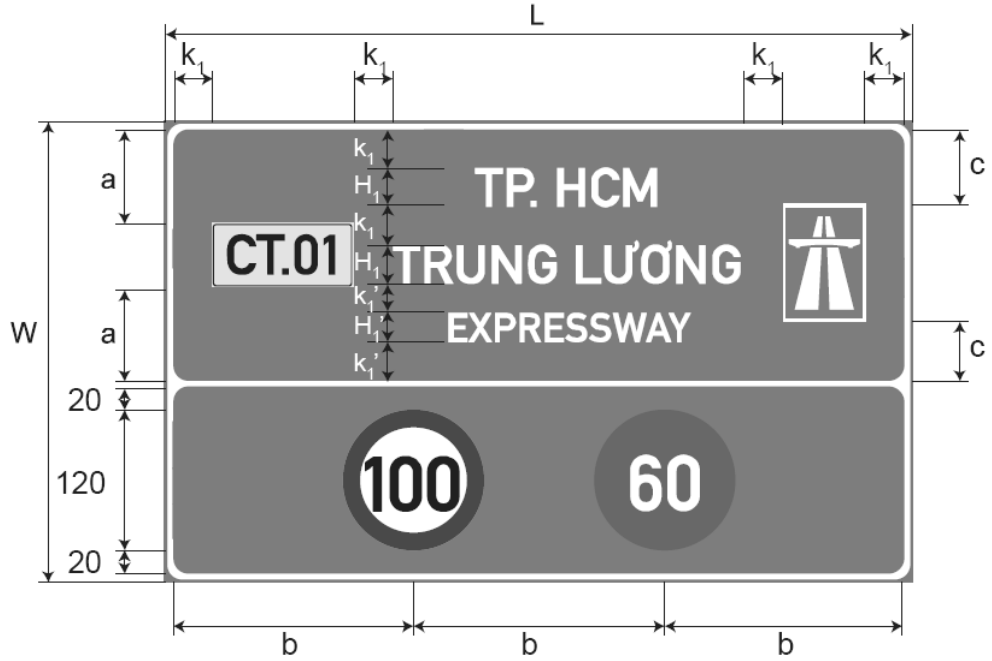

Ghi chú: a, b, c là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$ $k_1' = H_1' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng đường cao tốc	Nền xanh lá cây, hình vẽ trắng		100 x 70	
Mã hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	
Tốc độ tối đa	Nền trắng, viền đỏ, chữ số đen		Ø100	
Tốc độ tối thiểu	Nền xanh lam, chữ số trắng		Ø100	

P.4 Biển chỉ dẫn kết thúc đường cao tốc

a) Biển số IE.453a:

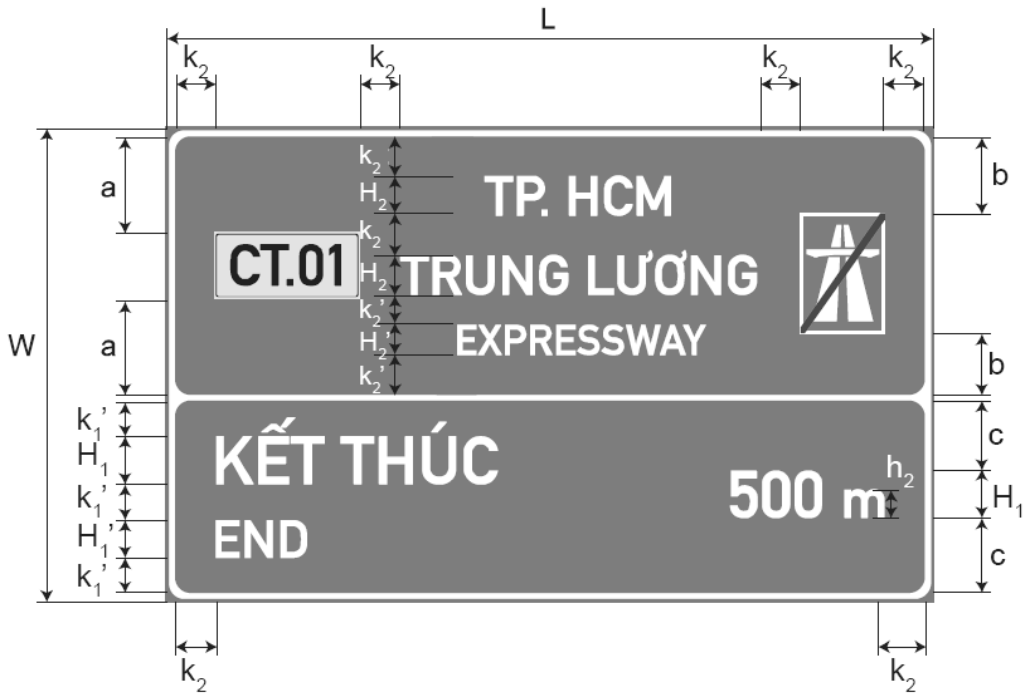

Ghi chú: a, b, c là khoảng cách căn giữa; $k_1' = H_1'$; $k_2 = H_2$; $k_2' = H_2'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$ $k_2 = H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$ $h_2 = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng kết thúc đường cao tốc	Nền xanh lá cây, hình vẽ trắng, vạch đỏ		100 x 70	
Mã hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	

b) Biển số IE.453b:

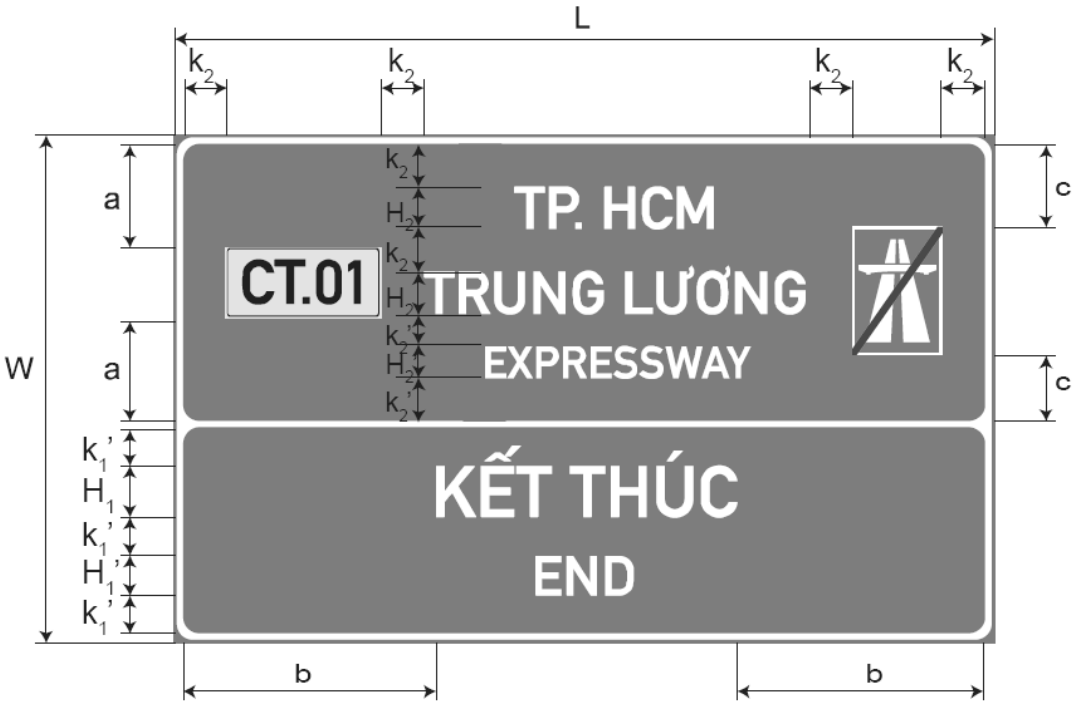

Ghi chú: a, b, c là khoảng cách căn giữa; $k_1' = H_1'$; $k_2 = H_2$; $k_2' = H_2'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$ $k_2 = H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng kết thúc đường cao tốc	Nền xanh lá cây, hình vẽ trắng, vạch đỏ		100 x 70	
Mã đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		55 x 120	

P.5 Biển chỉ dẫn khoảng cách đến lối ra phía trước

Biển số IE.454:

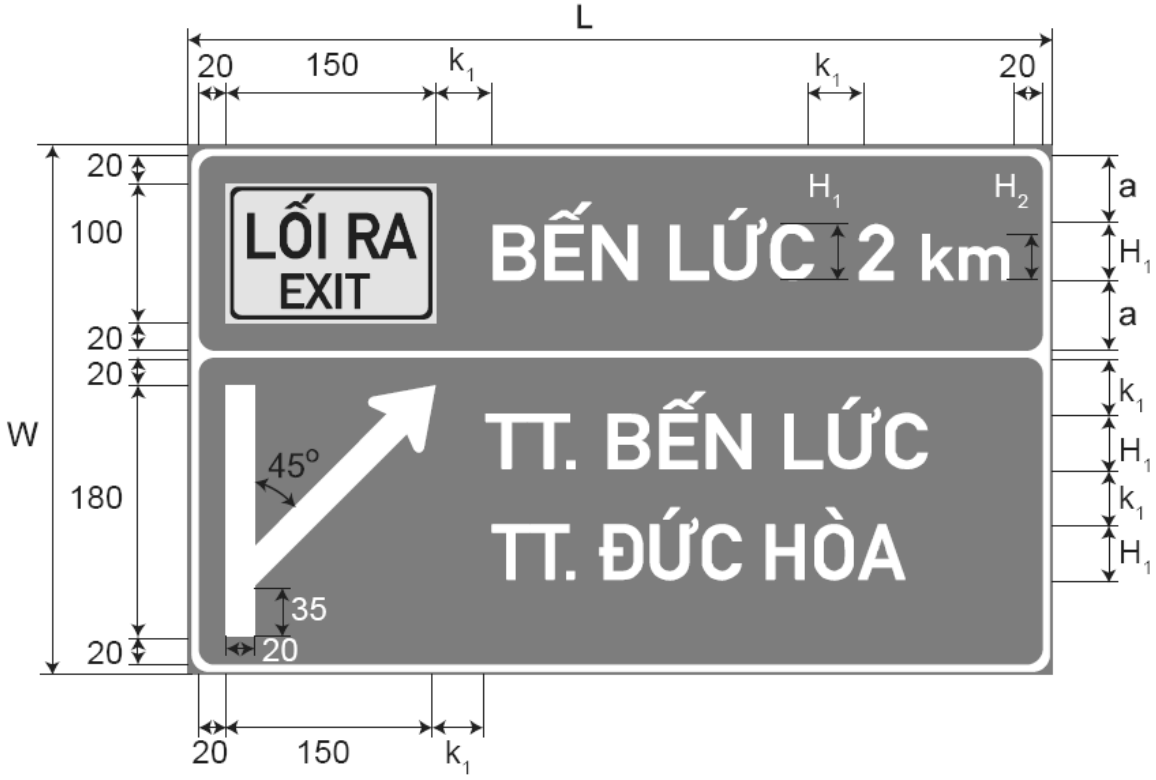

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu đối với Biển số IE.454

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ/Số/Khung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $H_2 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng lối ra	Nền vàng huỳnh quang, chữ đen		gt1 $H_1 = 33$ $H_1' = 25$	

P.6 Biển chỉ dẫn khoảng cách đến lối ra tiếp

a) Biển số IE.455a:

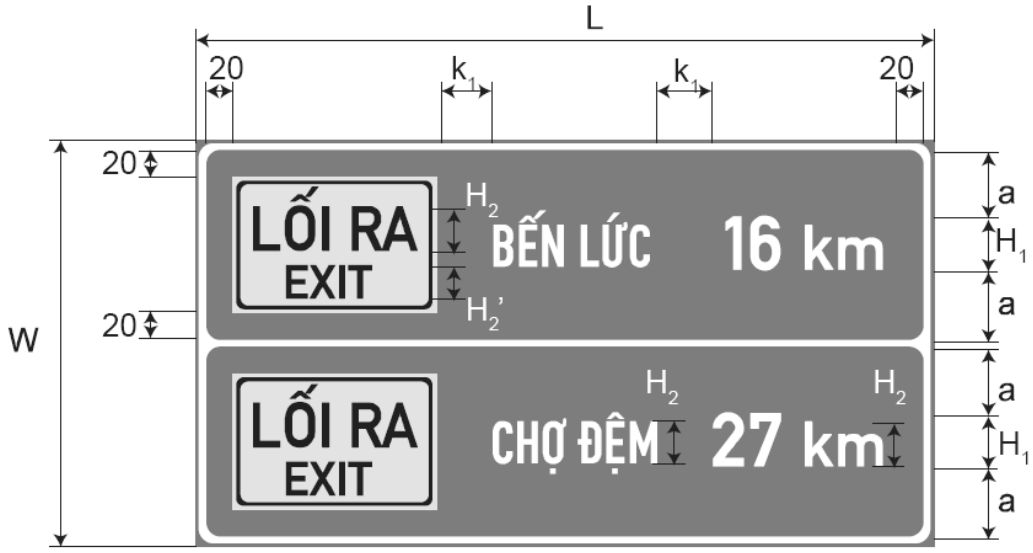

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

b) Biển số IE.455b:

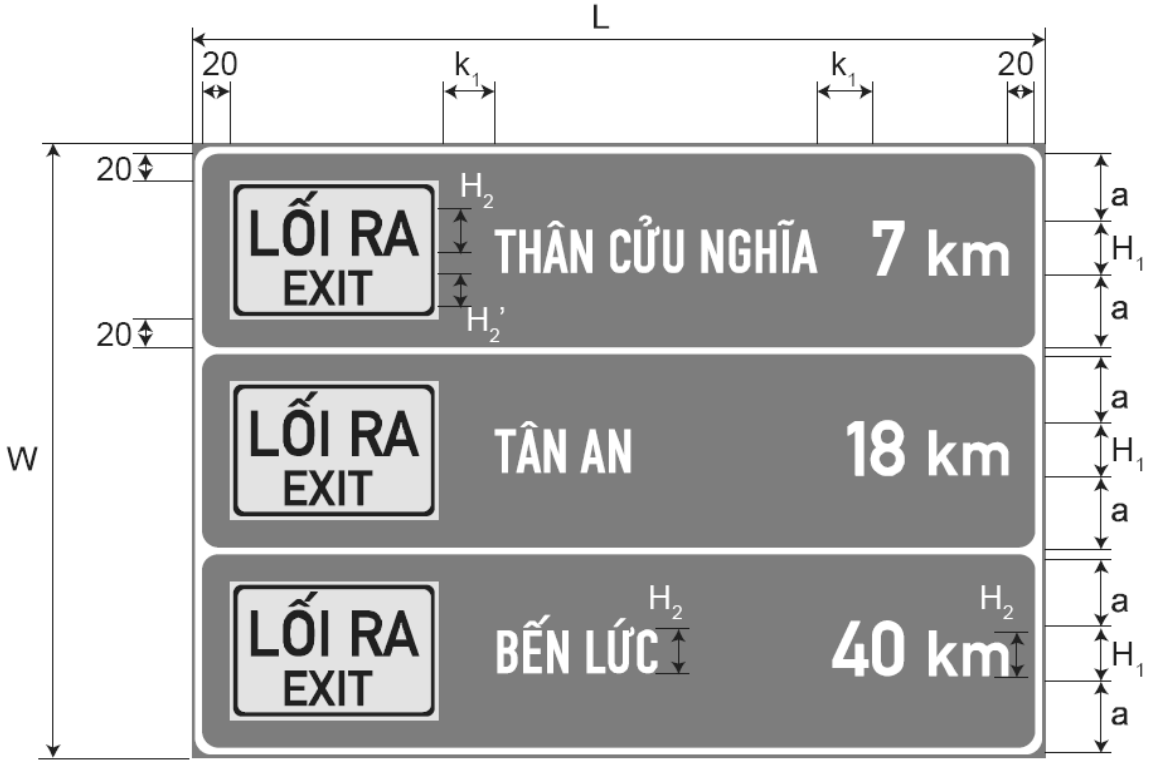

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên nút giao	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_2 = 33$	
Số km	Trắng		gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $H_2 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng lối ra	Nền vàng huỳnh quang, chữ đen		120 x 150 gt1 $H_2 = 33$ $H_2' = 25$	

c) Biểu tượng lối ra

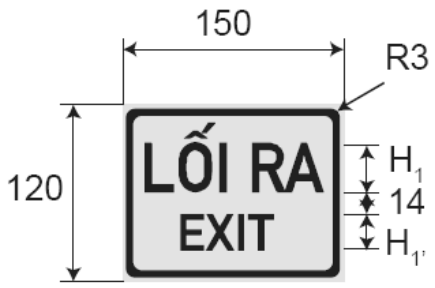

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Nội dung	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt1 $H_1 = 33$ $H_1' = 25$	
Nền	Vàng huỳnh quang			

P.7 Biển chỉ dẫn trạm dừng nghỉ

a) Biển số IE.456a:

+ Biển có ba dịch vụ:

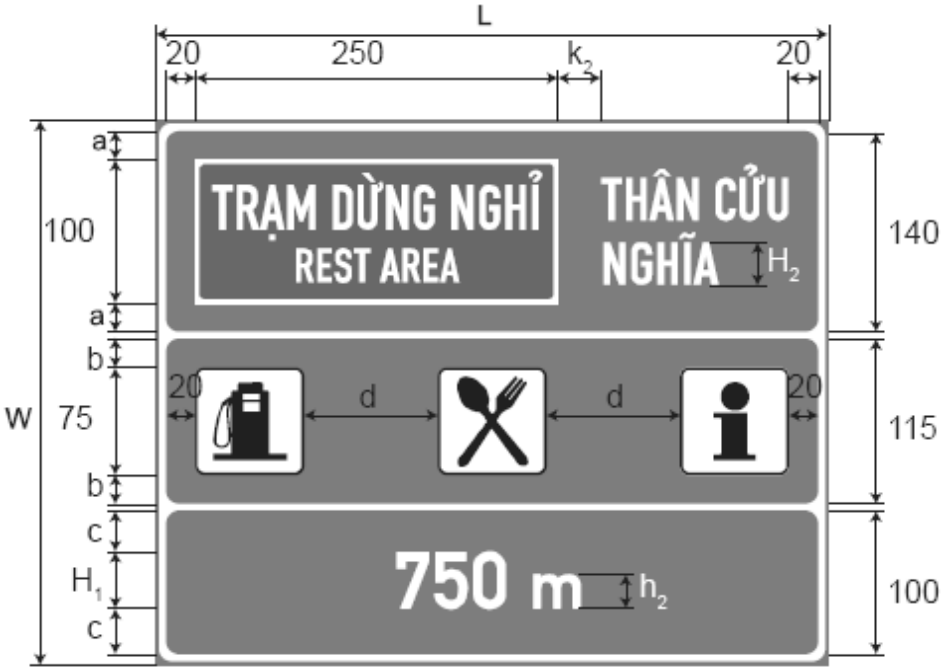

+ Biển có bốn dịch vụ:

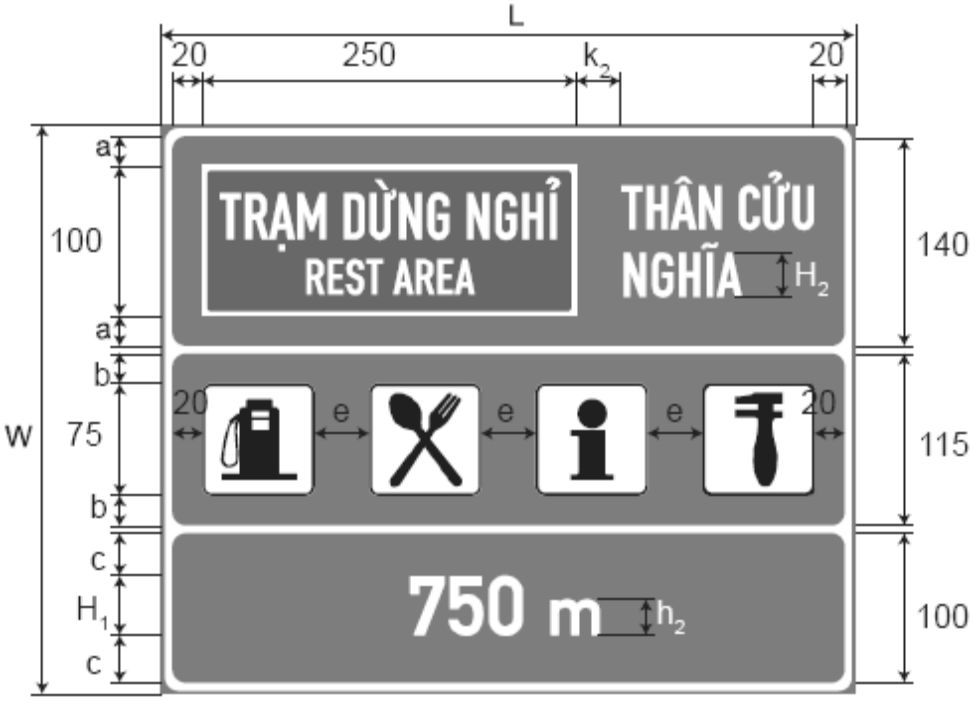

Ghi chú: a, b, c, d, e là khoảng cách căn giữa, $k_2 = H_2$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên trạm dừng nghỉ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_2 = H_2 = 33$	
Số m	Trắng		gt2 $H_1 = 40$ $h_2 = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng dịch vụ công cộng	Nền trắng, hình vẽ đen		75 x 75	

b) Biển số IE.456b:

+ Biển có ba dịch vụ:

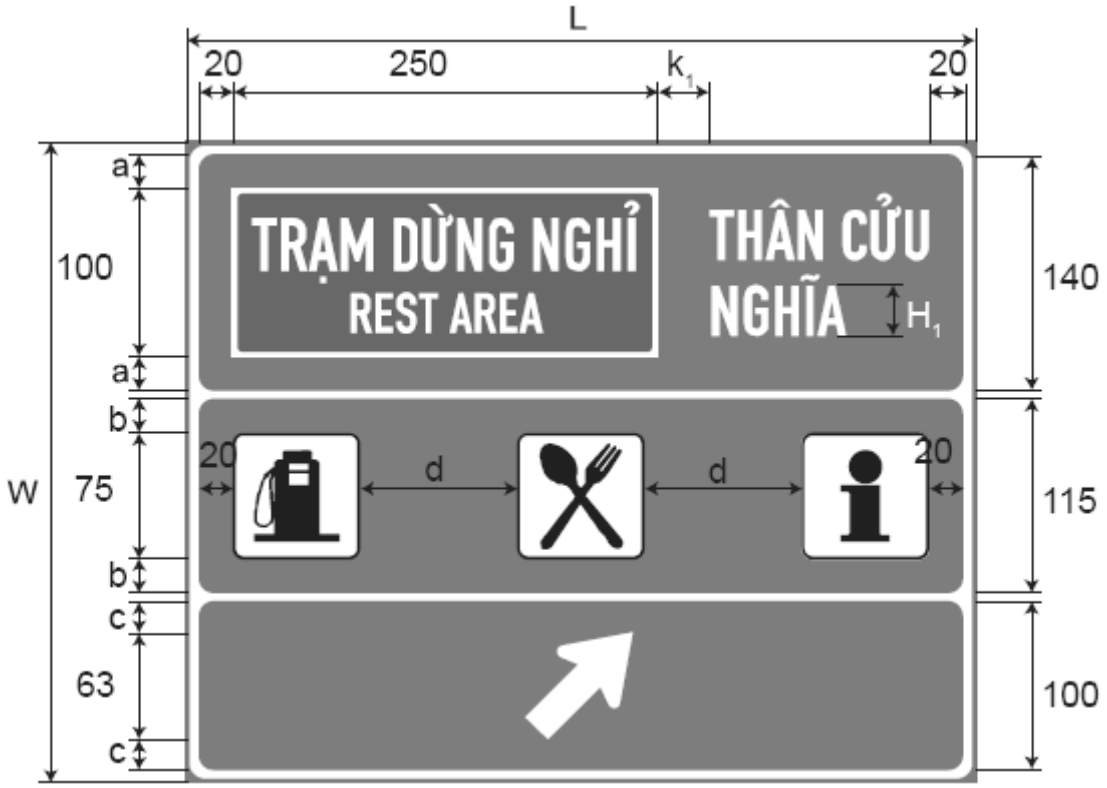

+ Biển có bốn dịch vụ:

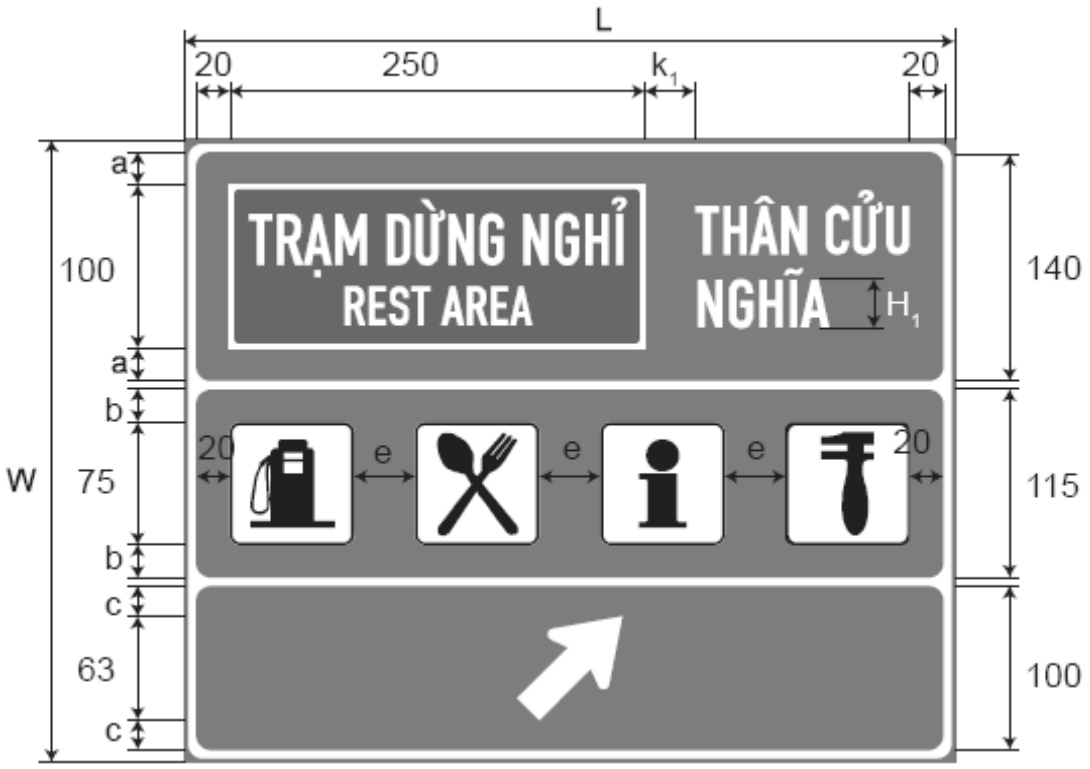

Ghi chú: a, b, c, d, e là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên trạm dừng nghỉ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng dịch vu công cộng	Nền trắng, hình vẽ đen		75 x 75	

c) Biển số IE.456c:

+ Biển có ba dịch vụ:

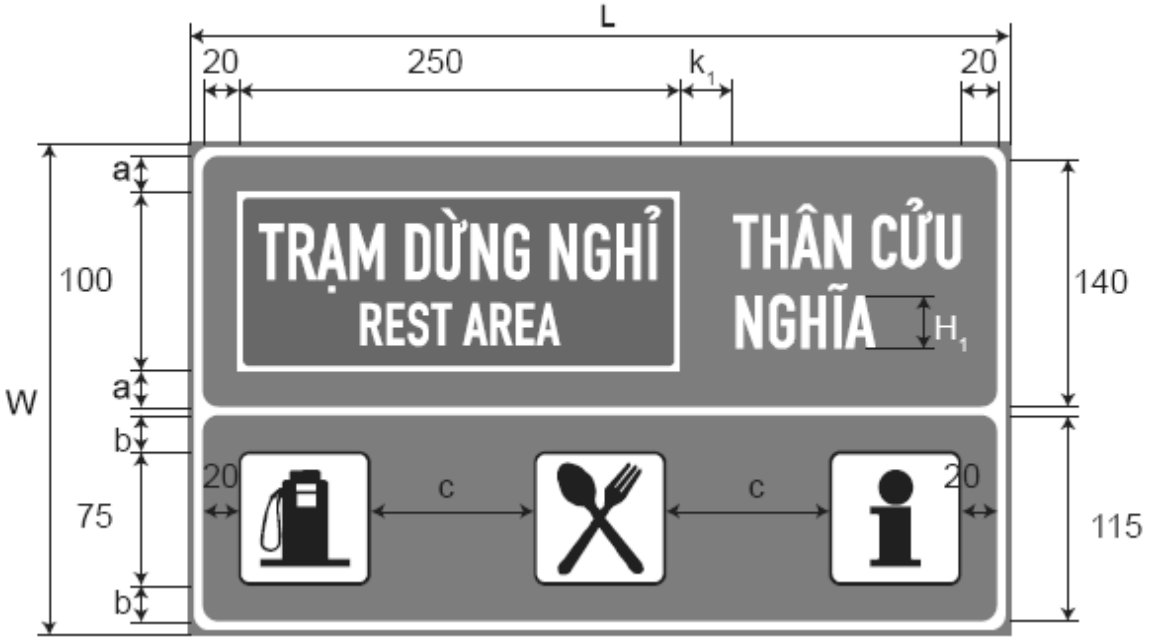

+ Biển có bốn dịch vụ:

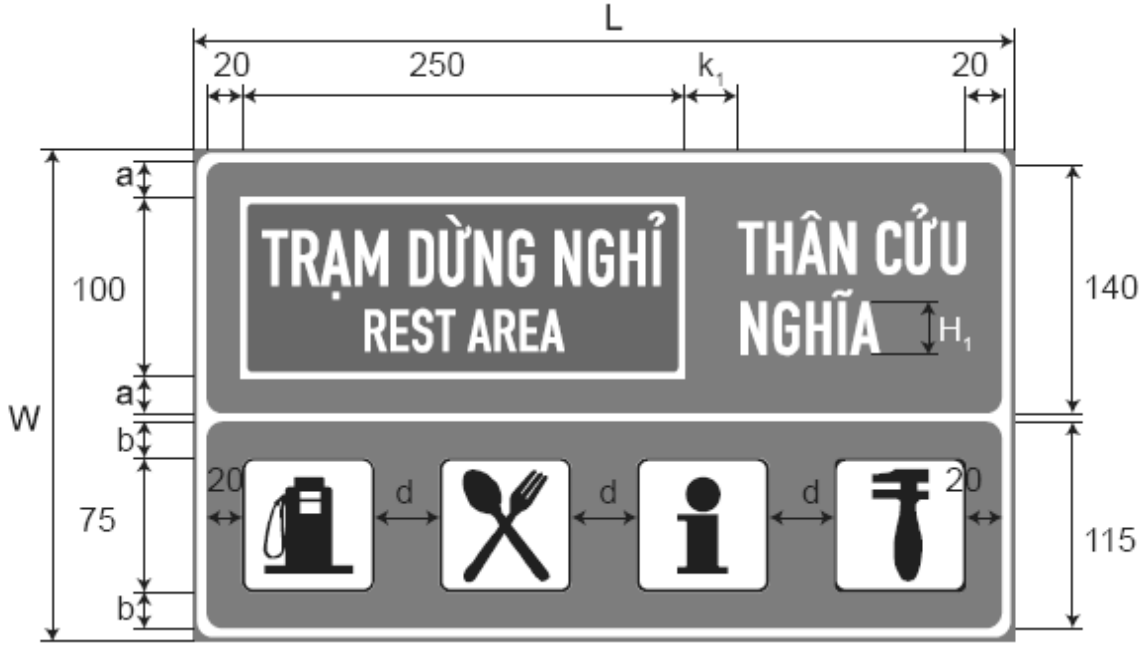

Ghi chú: a, b, c, d là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên trạm dừng nghỉ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng dịch vụ công cộng	Nền trắng, hình vẽ đen		75 x 75	

d) Biểu tượng trạm dừng nghỉ:

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Nội dung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt1 $H_1 = 33$ $H_1' = 25$	
Nền	Xanh lam			

P.8 Biển chỉ dẫn nơi đỗ xe trong trạm dừng nghỉ

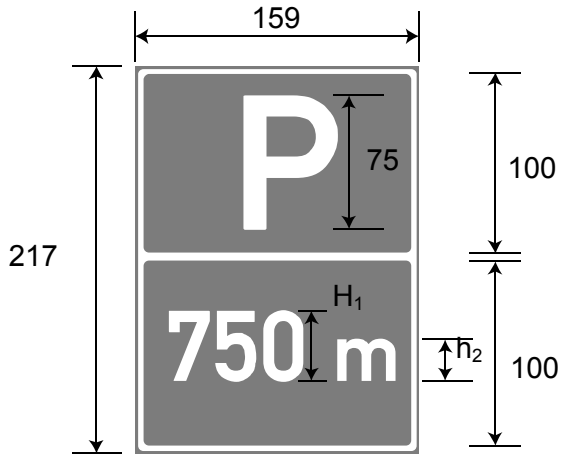

a) Biển số IE.457a

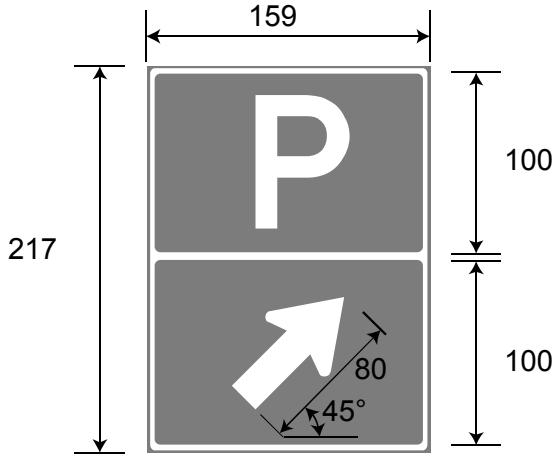

b) Biển số IE.457b

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
P	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2	
Số/Chữ m	Trắng		gt2 H_1 = 40 h_2 = 25	
Nền	Xanh lá cây			
Mũi tên	Trắng			

P.9 Biểu tượng dịch vụ công cộng

1. Điện thoại: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

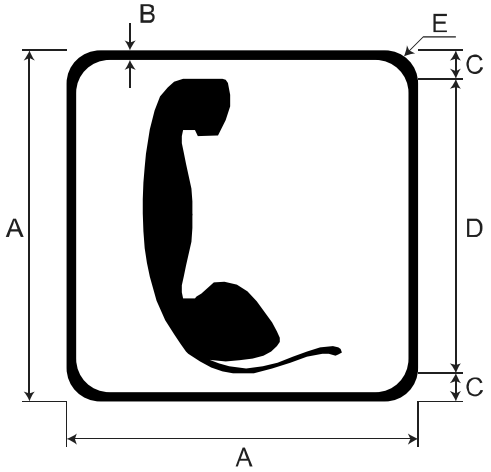

2. Trạm sửa chữa: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

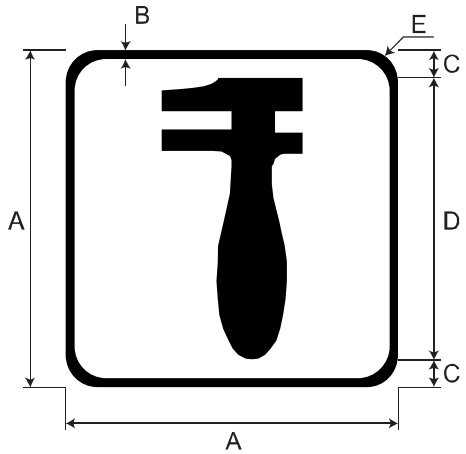

3. Cấp cứu: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	13,2	52,6	5,0

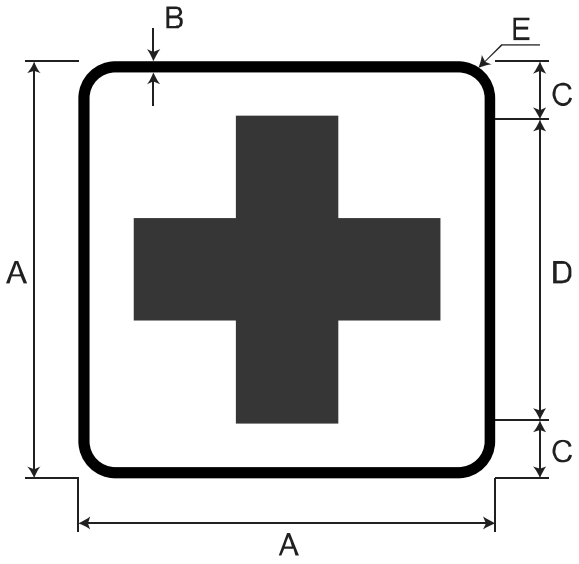

4. Nhà vệ sinh: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

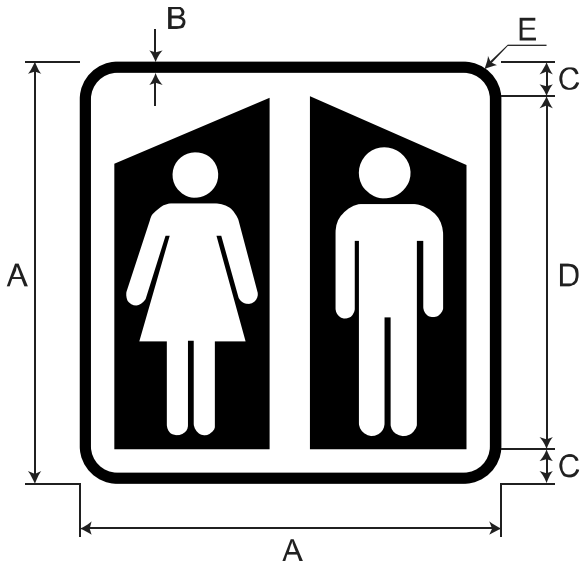

5. Nhà nghỉ: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	18,7	22,6	5,0
Loại A	75,0	2,0	22,0	31,0	5,0

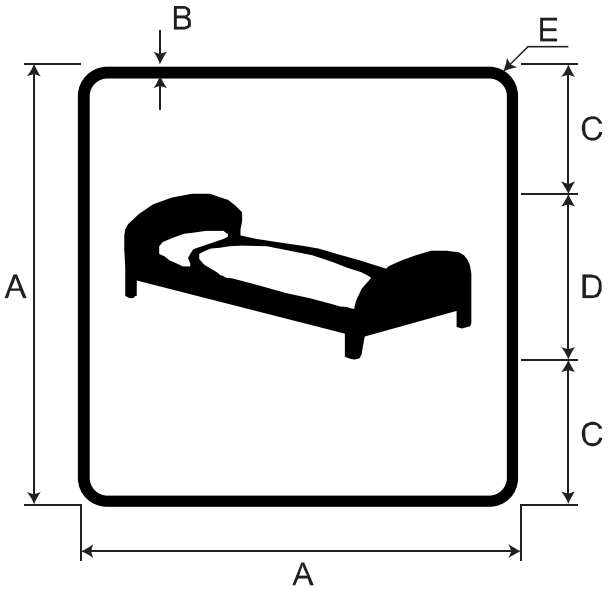

6. Phục vụ người khuyết tật: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	6,0	48,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	7,8	59,4	5,0

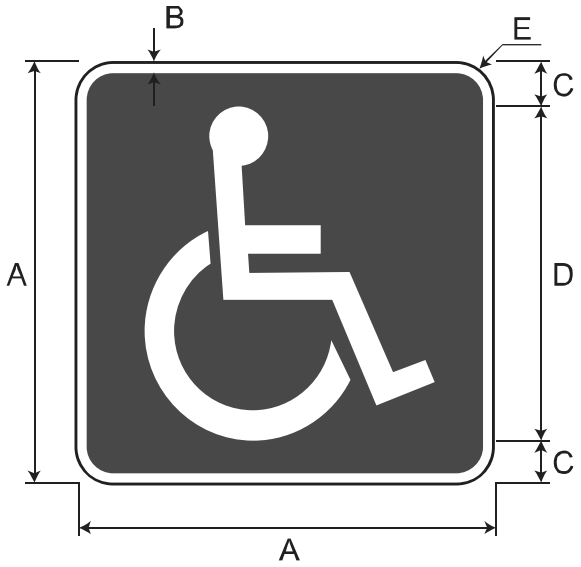

7. Xăng dầu: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	7,5	45,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	10,0	55,0	5,0

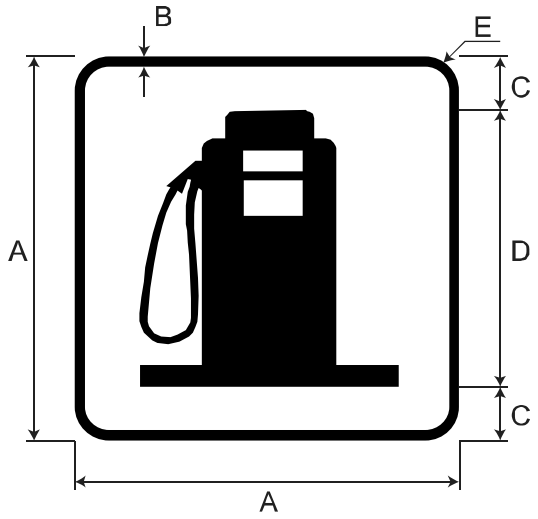

8. Ăn uống: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	7,5	45,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

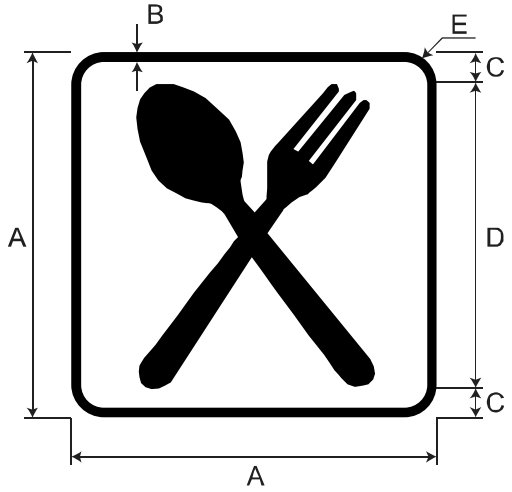

9. Cảnh sát giao thông: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E	F
Loại B	60,0	96,0	2,5	6,5	47,0	5,0
Loại A	75,0	120,0	5,0	7,7	59,6	5,0

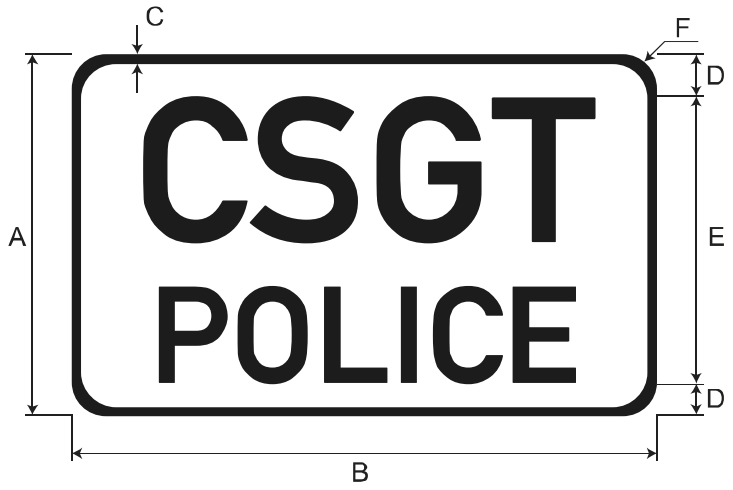

10. Nơi cung cấp thông tin: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	7,5	45,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	10,0	55,0	5,0

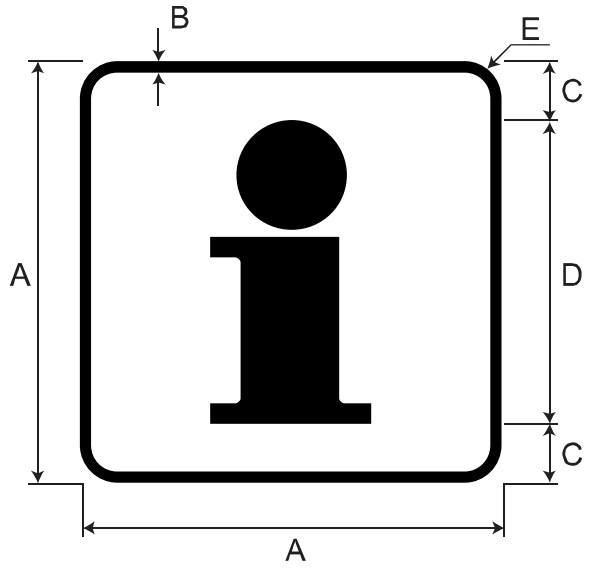

11. Nơi rửa xe: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	3,0	54,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	5,5	64,0	5,0

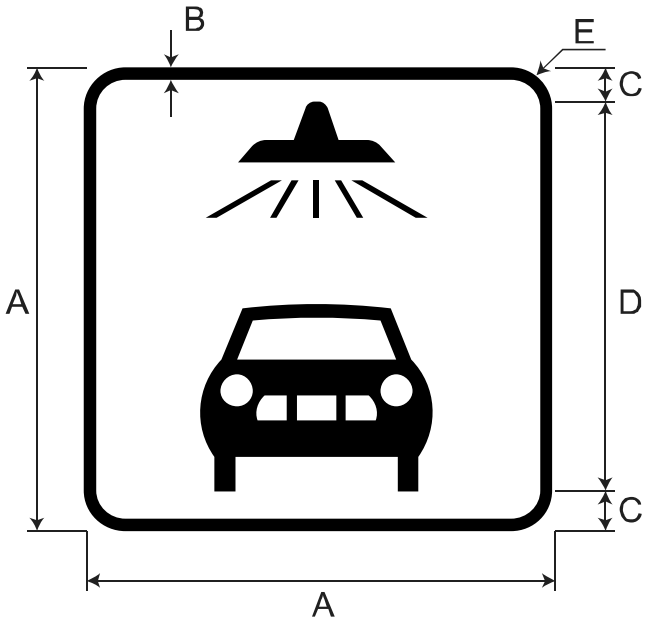
B
E
C
A
D
C
A

P.10 Biển chỉ dẫn khoảng cách đế các trạm dừng nghỉ tiếp theo

a) Biển số IE.458:

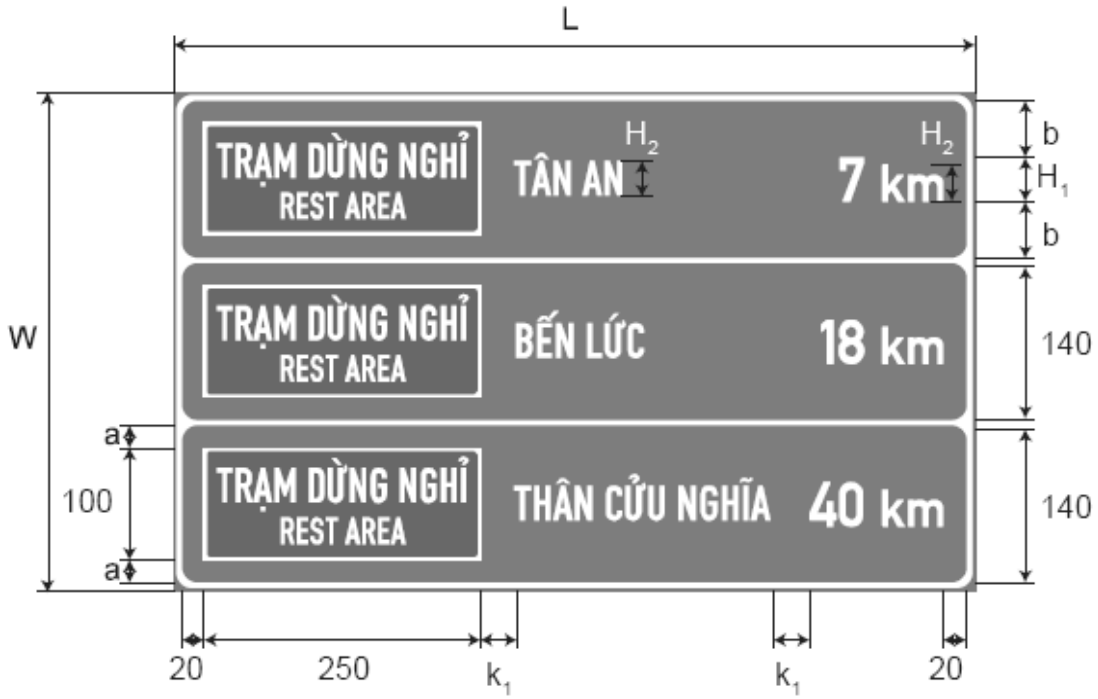

Ghi chú: a, b là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu đối với Biển số 458

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên trạm dừng nghỉ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_2 = 33$	
Số km	Trắng		gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $H_2 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng trạm dừng nghỉ	Nền xanh lam, chữ trắng		100 x 250	

P.11 Biển chỉ dẫn khu tham quan du lịch

a) Biển số IE.459a:

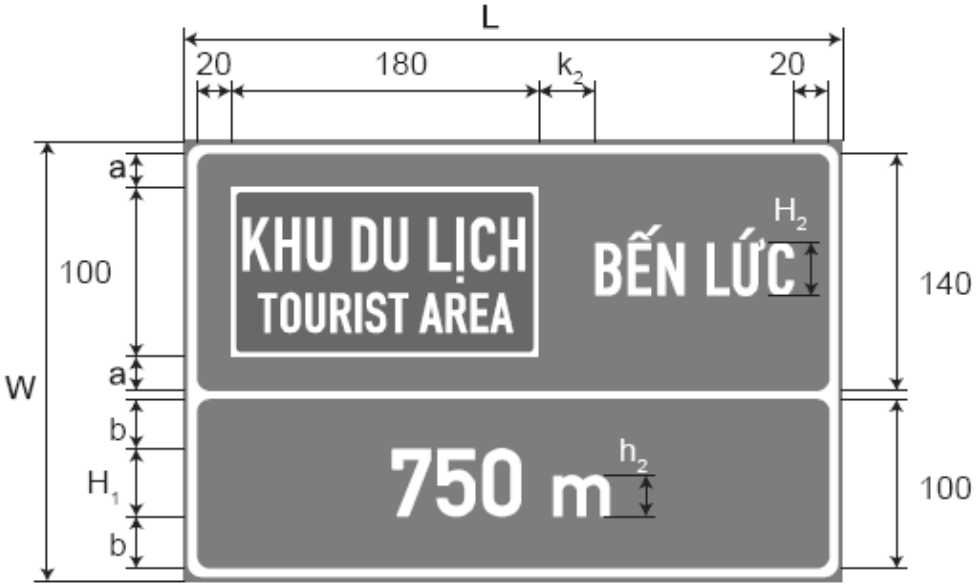

Ghi chú: a, b là khoảng cách căn giữa; $k_2 = H_2$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên khu du lịch	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_2 = H_2 = 40$	
Số m	Trắng		gt2 $H_1 = 40$ $h_2 = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng khu du lịch	Nền xanh lam, chữ trắng		100 x 180	

b) Biển số IE.459b:

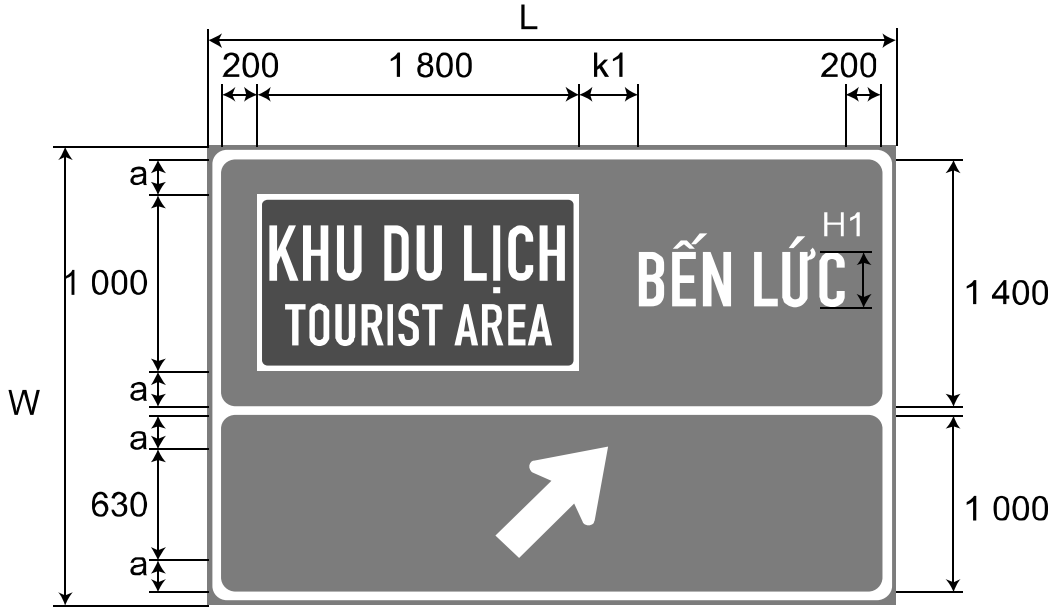

Ghi chú: a, b là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;
L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên khu du lịch	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng khu du lịch	Nền xanh lam, chữ trắng		100 x 180	
Mũi tên	Trắng			

d) Biểu tượng khu du lịch:

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Nội dung	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt1 H_1 = 33 H_1' = 25	
Nền	Xanh lam			

P.12 Biển chỉ dẫn khu du lịch công cộng và giải trí

a) Biển số IE.461a:

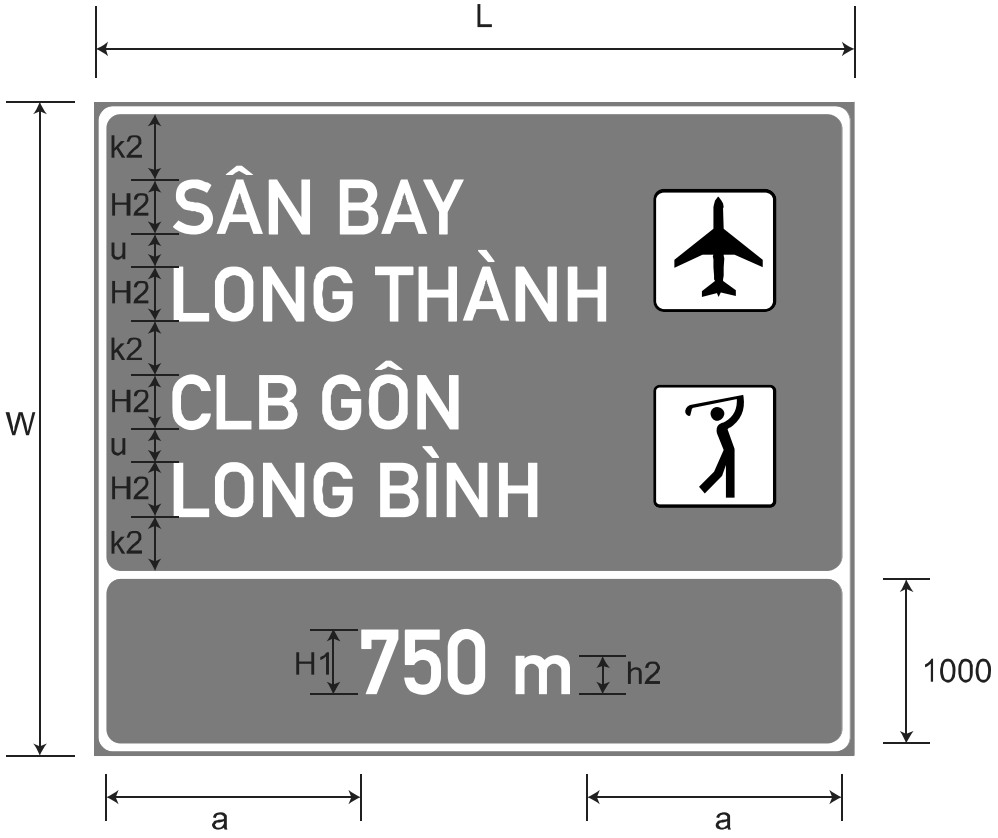

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; u = 0.5 x H_1; k_2 = H_2;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 H_1 = 40 k_2 = H_2 = 33 h_2 = 25	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng	Nền trắng, hình vẽ đen		75 x 75	

b) Biển số IE.461b:

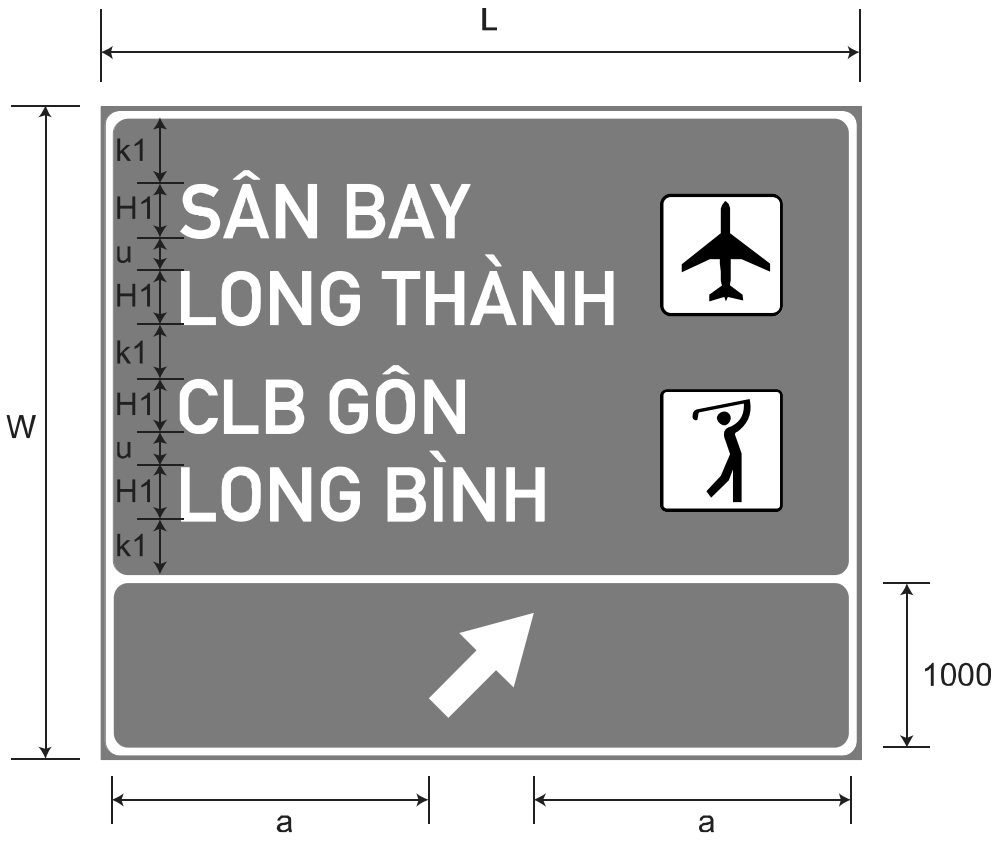

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; u = 0.5 x H_1; k_1 = H_1,

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 k_1 = H_1 = 33	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng	Nền trắng, hình vẽ đen		75 x 75	
Mũi tên	Trắng			

c) Biển số IE.461c:

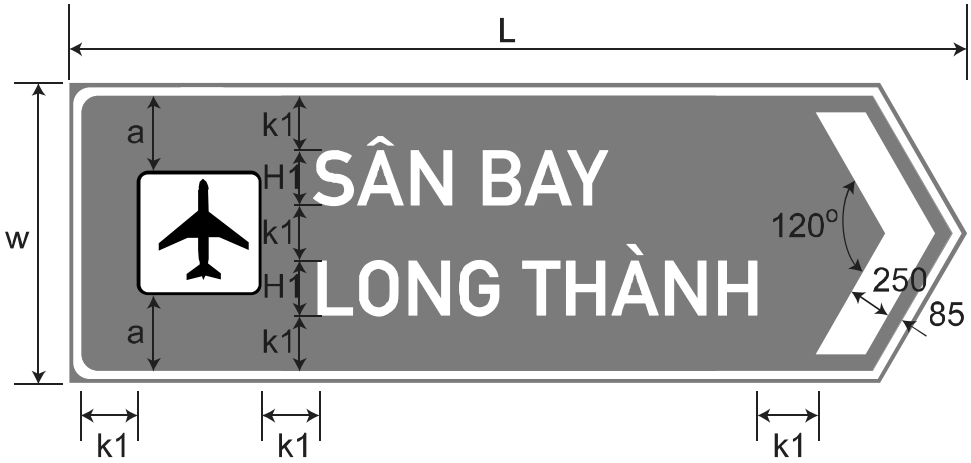

d) Biển số IE.461d:

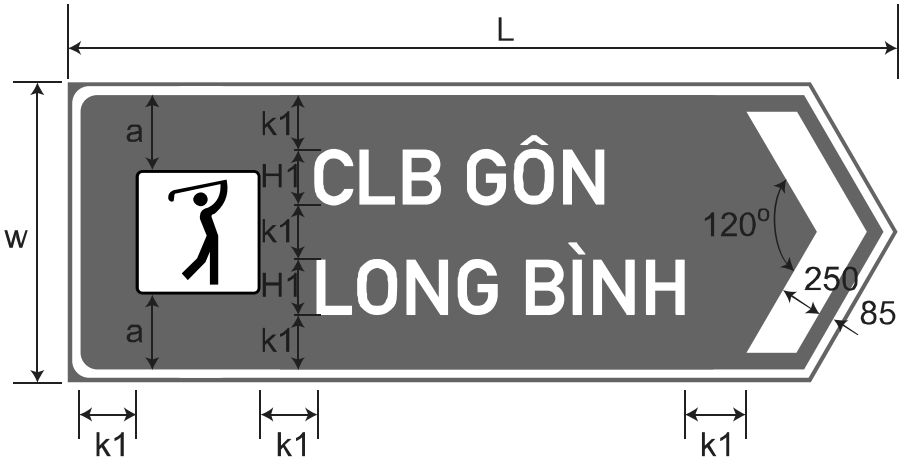

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục		Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ		Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$	
Nền	Biển số IE.461c	Xanh lá cây			
	Biển số IE.461d	Nâu			
Biểu tượng		Nền trắng, hình vẽ đen		75 x 75	

P.13 Biểu tượng khu công nghiệp, dịch vụ công cộng và giải trí

1. Sân bay: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

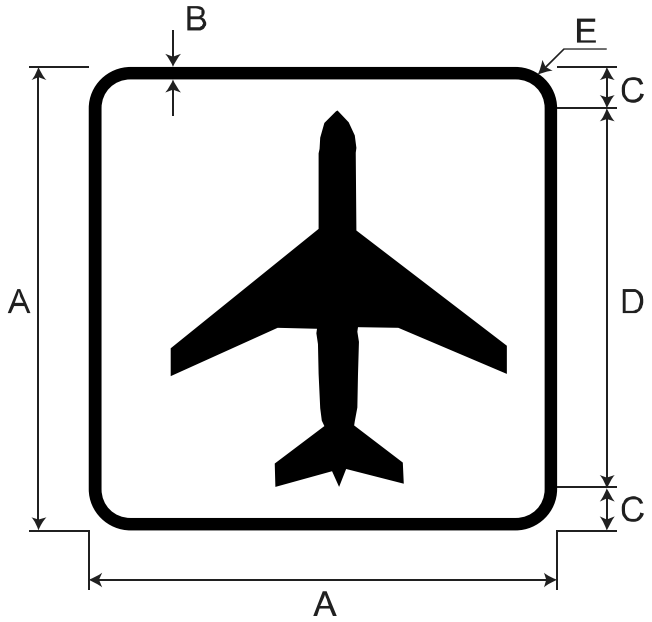

2. Bến xe khách: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

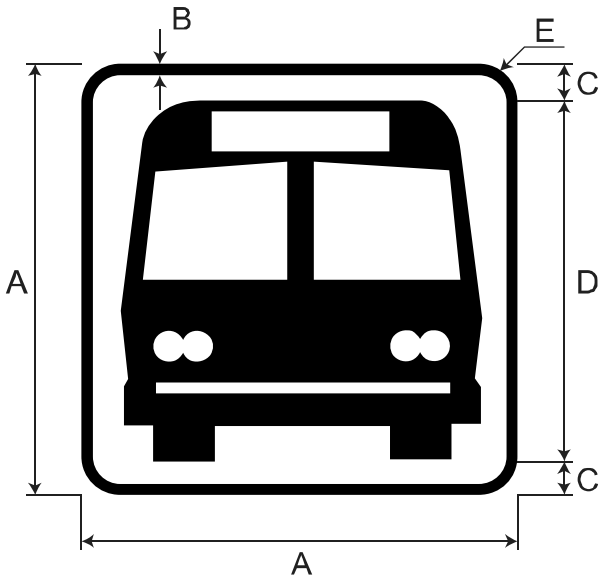

3. Bến tàu: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

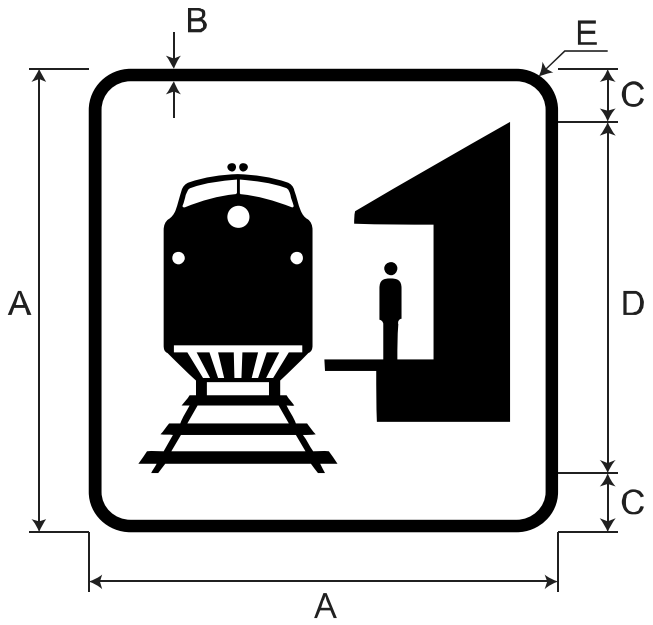

4. Bến tàu thủy: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

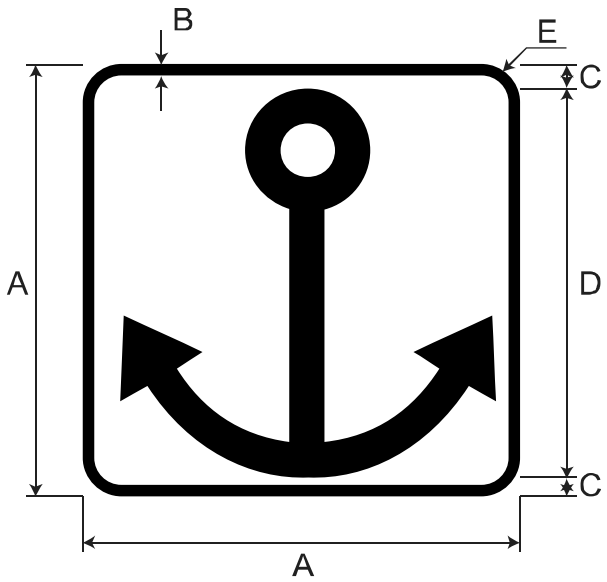

5. Khu công nghiệp: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,2	62,6	5,0

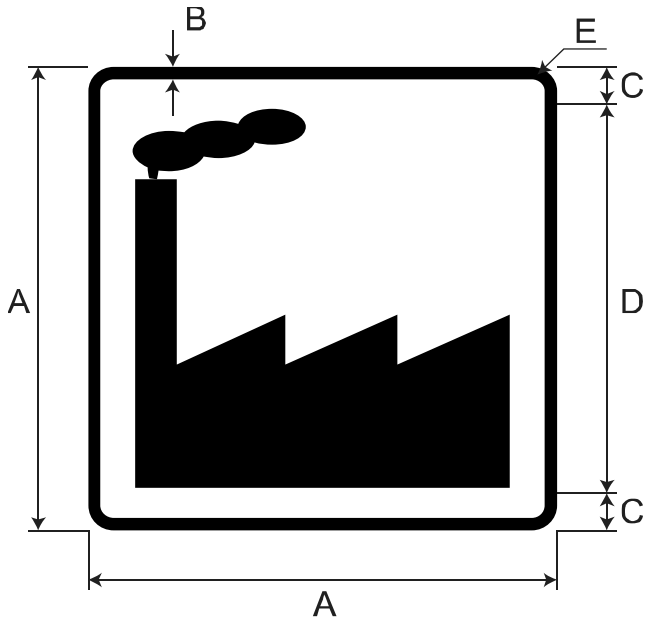

6. Đập thủy điện: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	16,2	27,6	5,0
Loại A	75,0	2,0	20,0	35,0	5,0

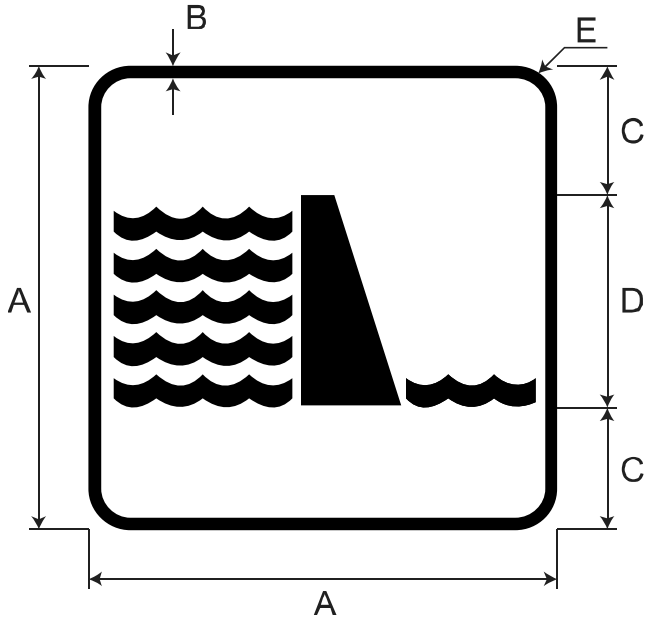

7. Sân gôn: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	5,0	50,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	6,0	63,0	5,0

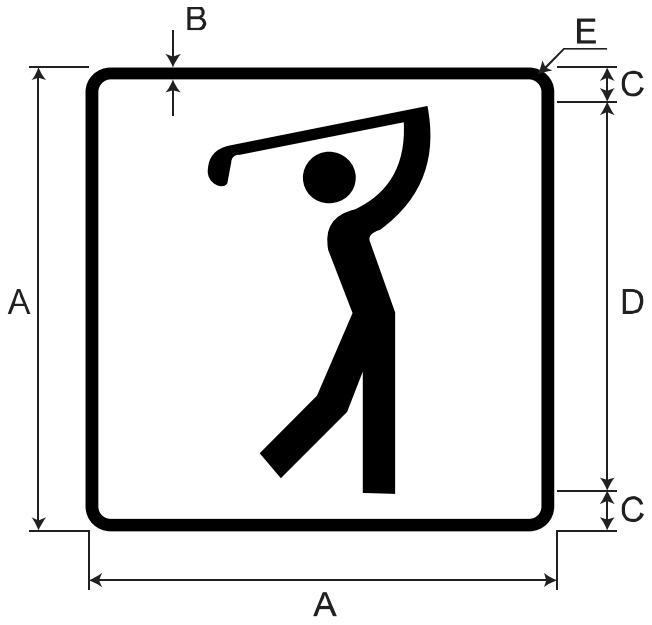

8. Khu câu cá: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	3,0	54,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	4,0	67,0	5,0

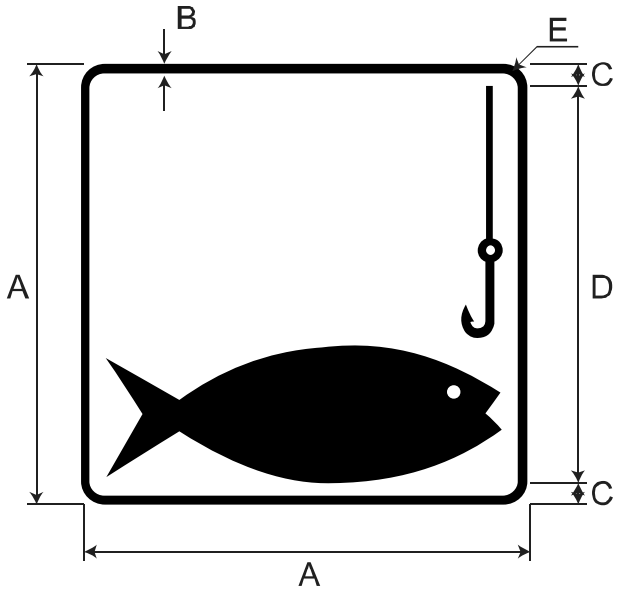

9. Bãi tắm biển, khu bơi lội: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	17,5	25,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	21,5	32,0	50

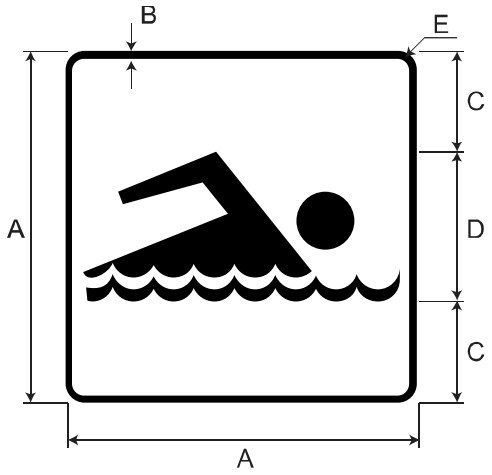

10. Rừng sinh thái: Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E
Loại B	60,0	1,5	7,0	46,0	5,0
Loại A	75,0	2,0	8,5	58,0	5,0

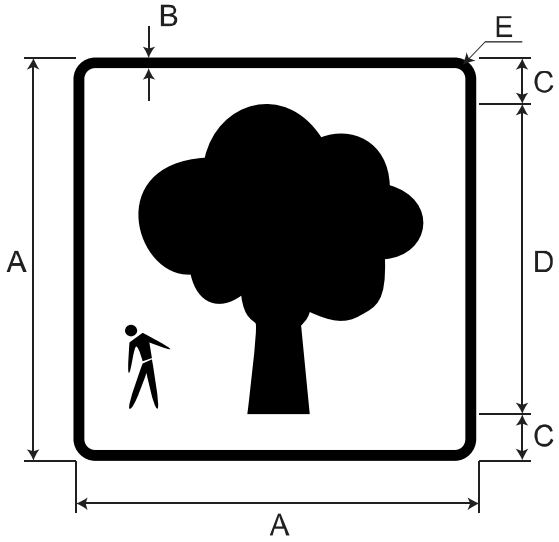

P.14 Biển chỉ dẫn tần số trên sóng Radio

1. Biển số IE.462:

Ghi chú: $k_1 = H_1$; $k_2' = H_2'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			

P.15 Biển chỉ dẫn trạm kiểm tra tải trọng xe

1. Biển số IE.463a

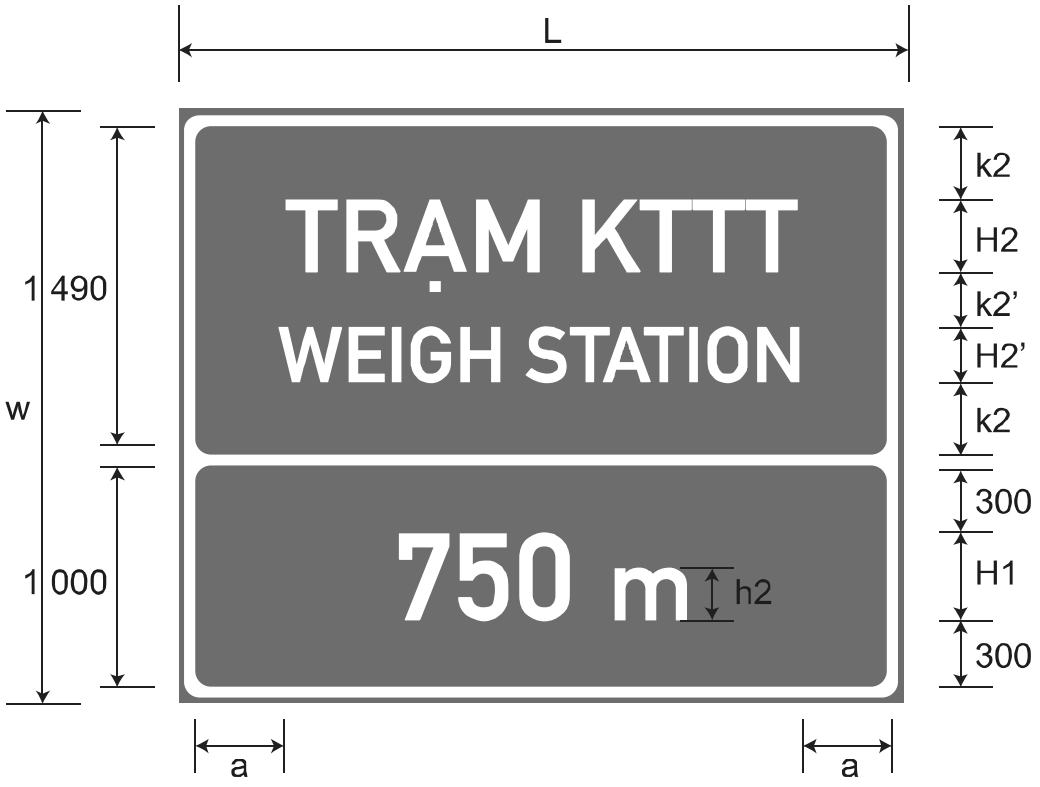

Ghi chú: $k_2 = H_2$; $k_2' = H_2'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $H_1 = 40$ $k_2 = H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$ $h_2 = 25$	
Nền	Xanh lá cây			

2. Biển số IE.463b

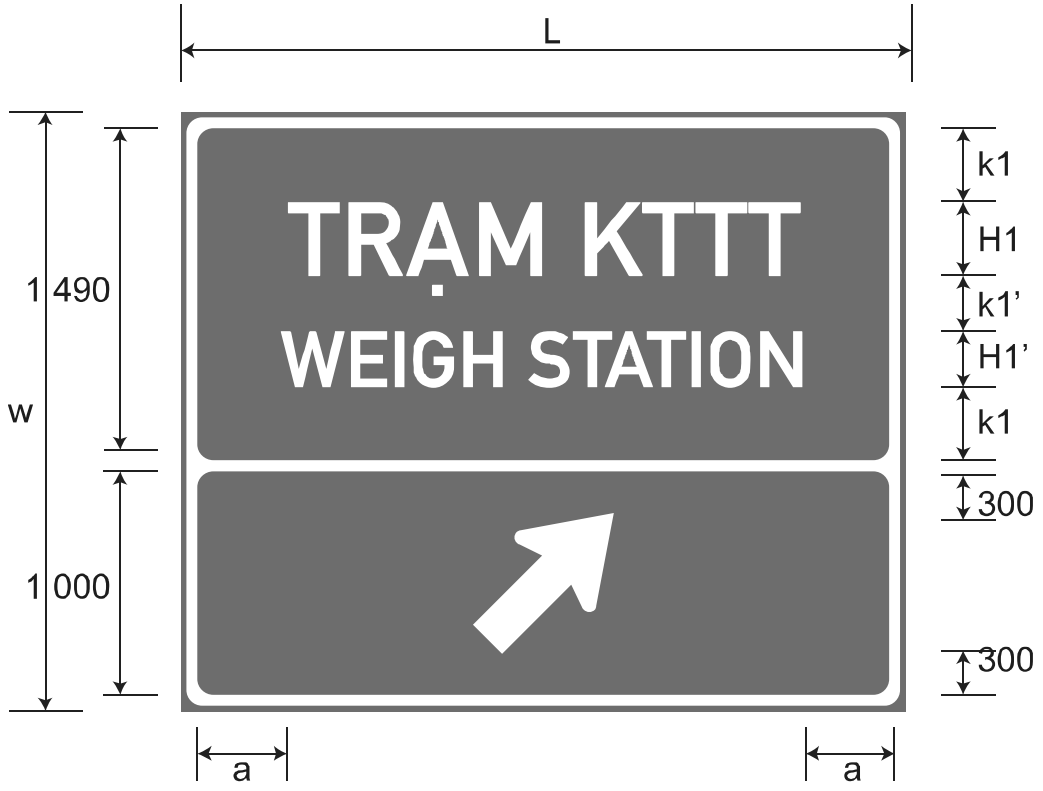

Ghi chú: $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$ $k_1' = H_1' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Mũi tên	Trắng			

3. Biển số IE.463c

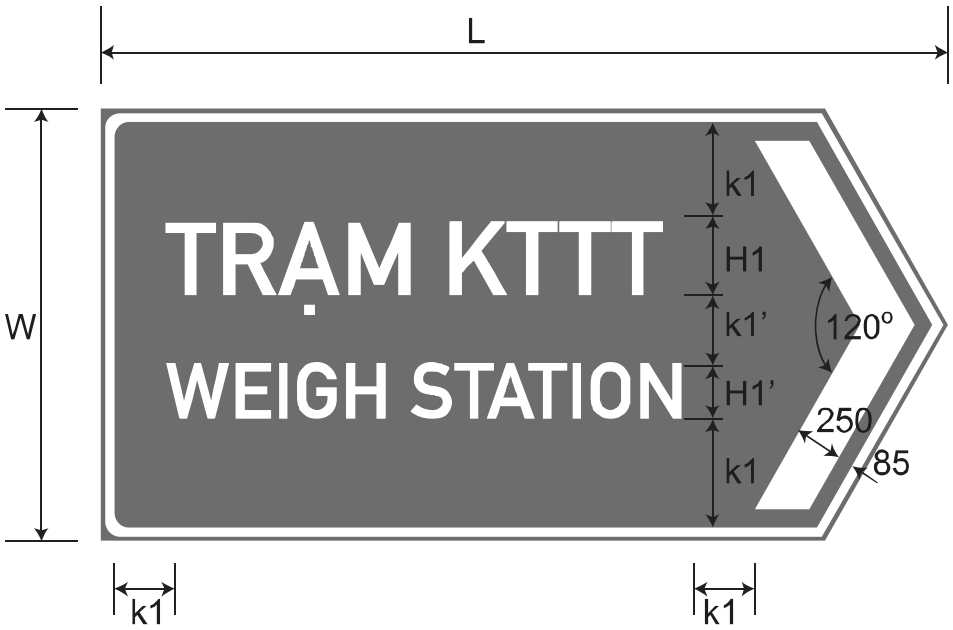

Ghi chú: $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$ $k_1' = H_1' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			

P.16 Biển chỉ dẫn địa điểm và phương hướng

1. Biển số IE.464a:

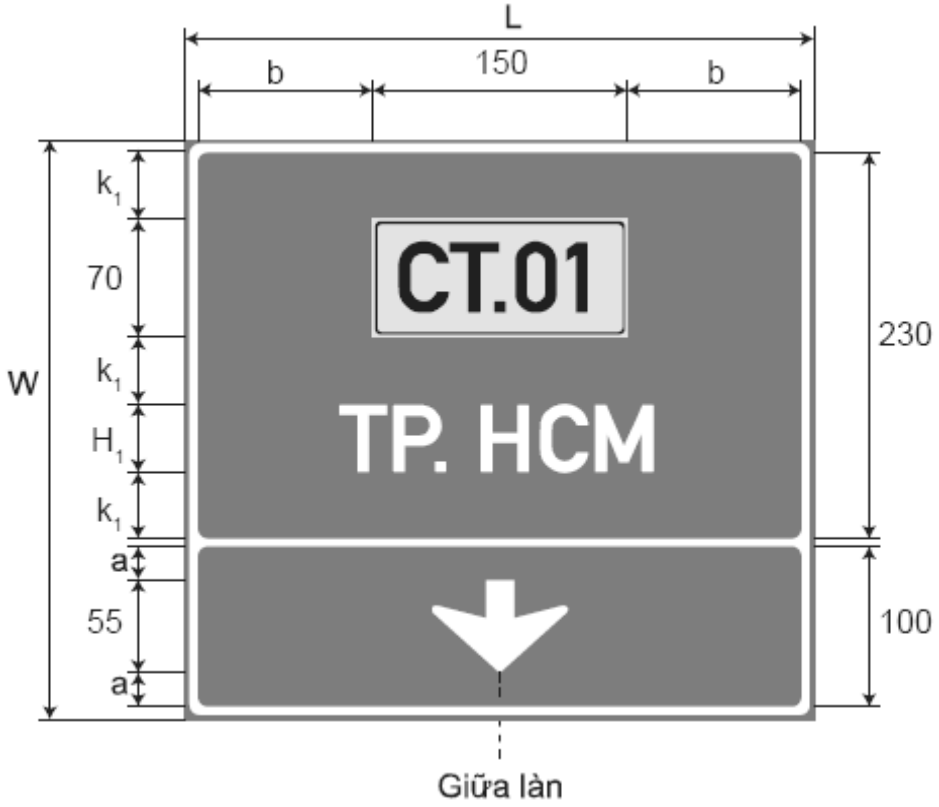

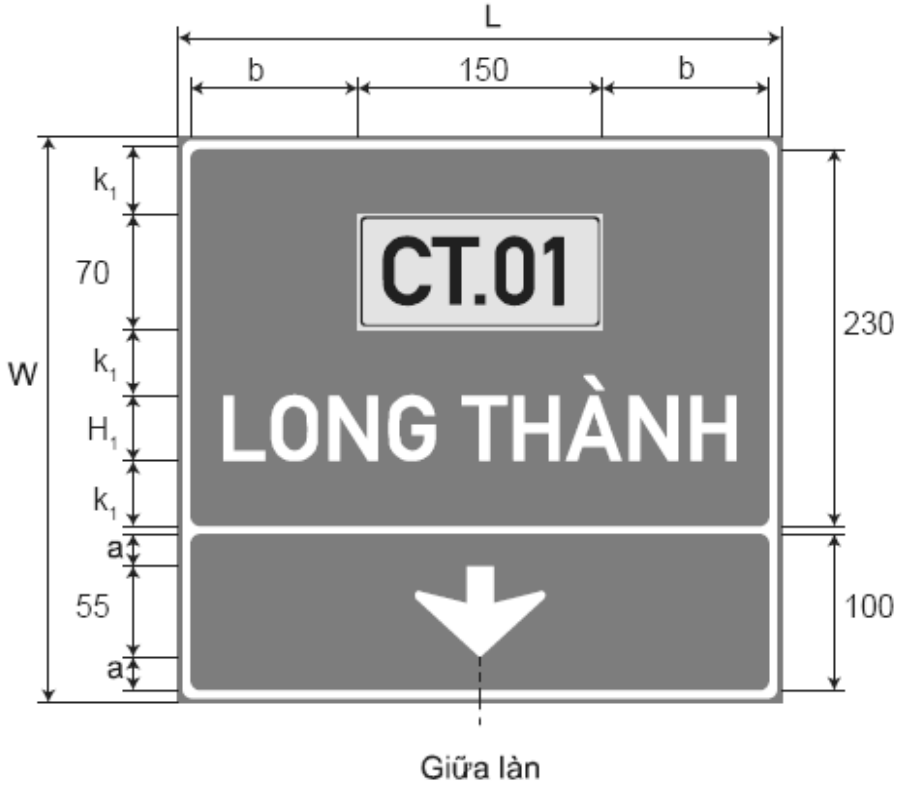

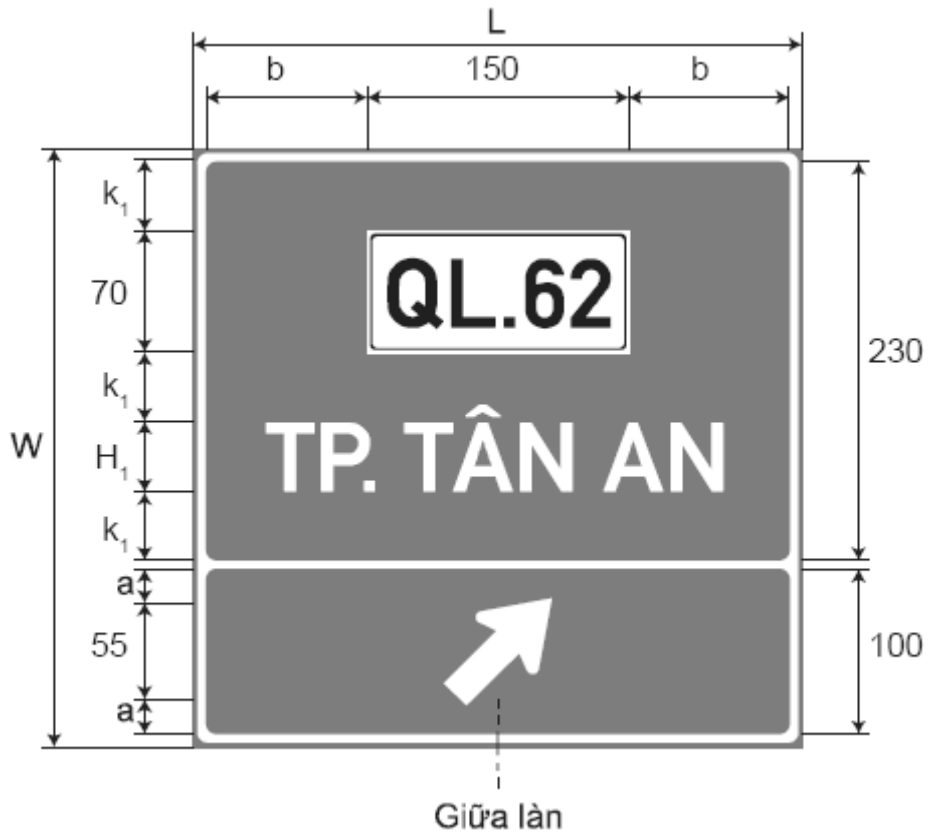

Ghi chú: a, b là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$.

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị : cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên địa điểm	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$	
Nền	Xanh lá cây			
Mũi tên	Trắng		Phụ lục	
Ký hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen			
Ký hiệu quốc lộ	Nền trắng, chữ số đen			

2. Biển số IE.464b:

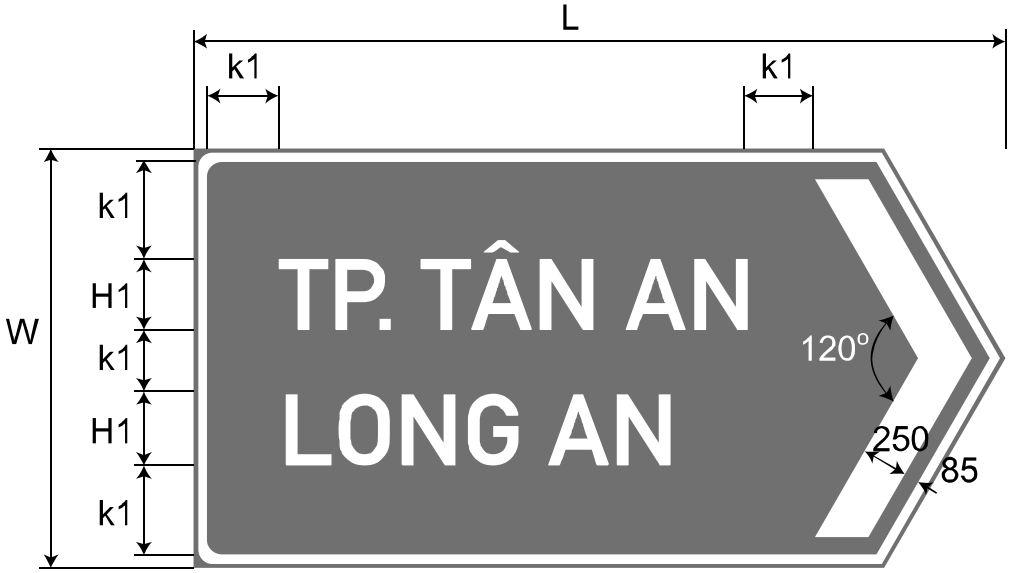

Ghi chú: $k_1 = H_1$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên địa điểm	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$	
Nền	Xanh lá cây			

P.17 Biển chỉ dẫn địa điểm và khoảng cách

1. Biển số IE.465a:

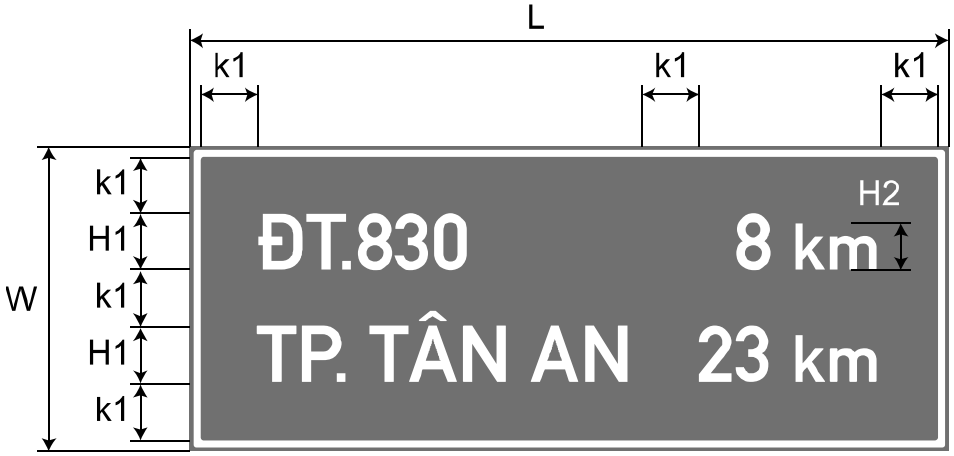

Ghi chú: $k_1 = H_1$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên địa điểm, số km	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $H_2 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			

2. Biển số IE.465b

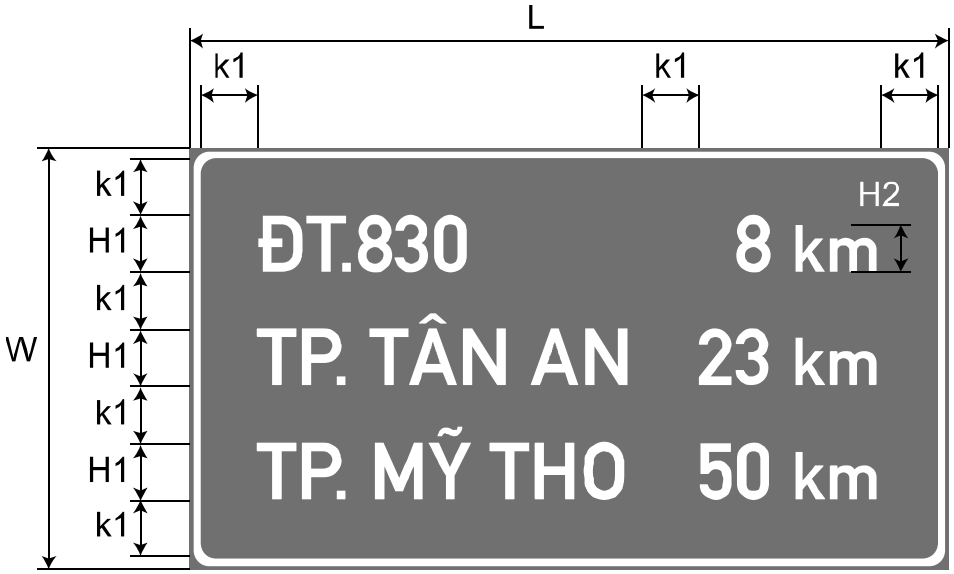

Ghi chú: $k_1 = H_1$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Tên địa điểm, số km	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $H_2 = 33$	
Nền	Xanh lá cây			

P.18 Biển chỉ dẫn sơ đồ lối ra

Biển số IE.466

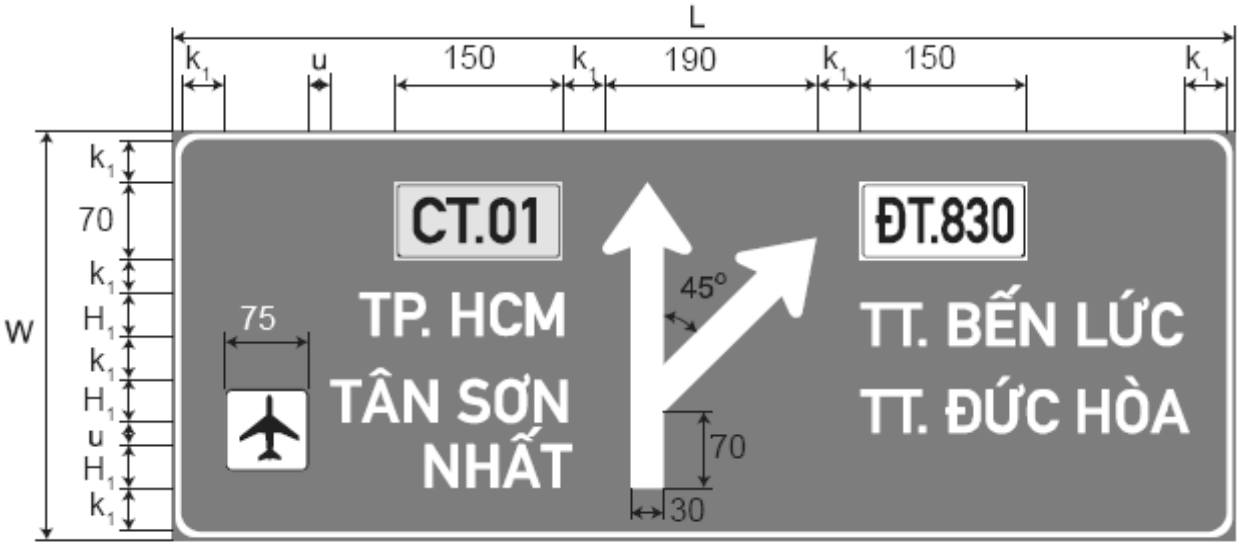

Ghi chú: $k_1 = H_1$, $u = ½ H_1$, L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$	
Nền	Xanh lá cây			
Ký hiệu đường cao tốc	Nền vàng huỳnh quang, chữ số đen		gt2 70 x 150	
Ký hiệu đường tỉnh	Nền trắng, chữ số đen		gt2 70 x 150	
Biểu tượng	Nền trắng, hình vẽ đen			

P.19 Biển chỉ dẫn nhập làn

a) Biển số IE.467a: chỉ dẫn vị trí nhập làn

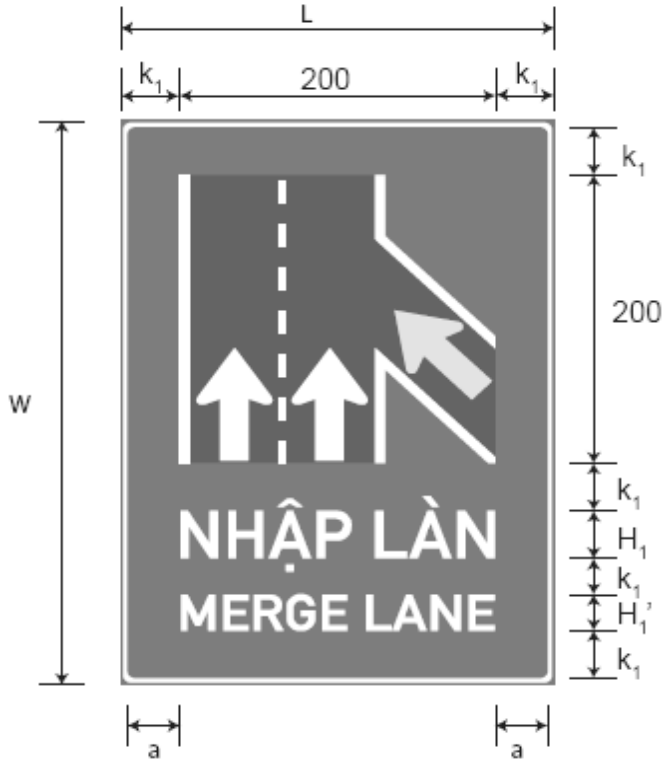

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$, $k_1' = H_1'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 33$ $k_1' = H_1' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Biểu tượng nhập làn	Nền đen, mũi tên trắng, vàng huỳnh quang		200 x 200	

b) Biển số IE.467b: chỉ dẫn khoảng cách đến vị trí nhập làn

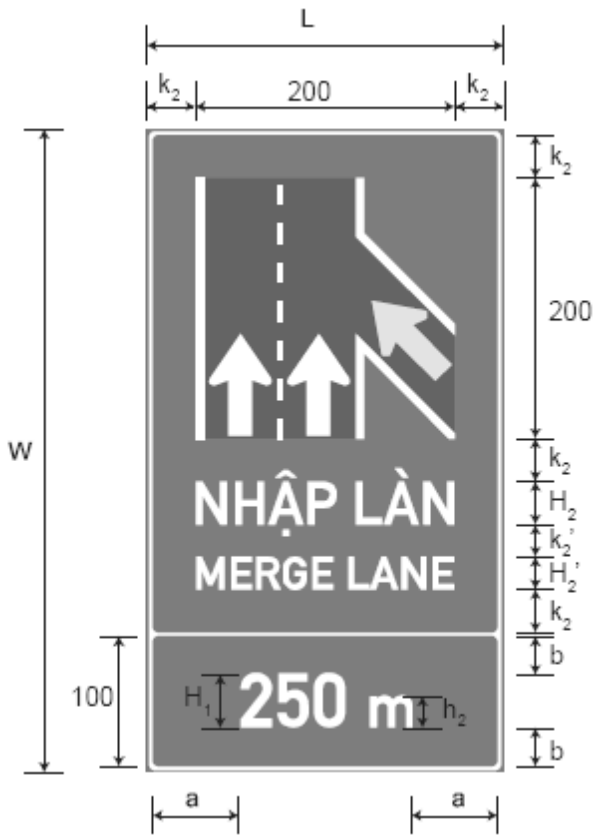

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_2 = H_2$, $k_2' = H_2'$.

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_2 = H_2 = 33$ $k_2' = H_2' = 25$	
Nền	Xanh lá cây			
Số	Trắng		gt2 $H_1 = 40$	
Chữ m	Trắng		gt2 $h_2 = 25$	

c) Kích thước biểu tượng vị trí nhập làn xe trên biển IE.467(a,b):

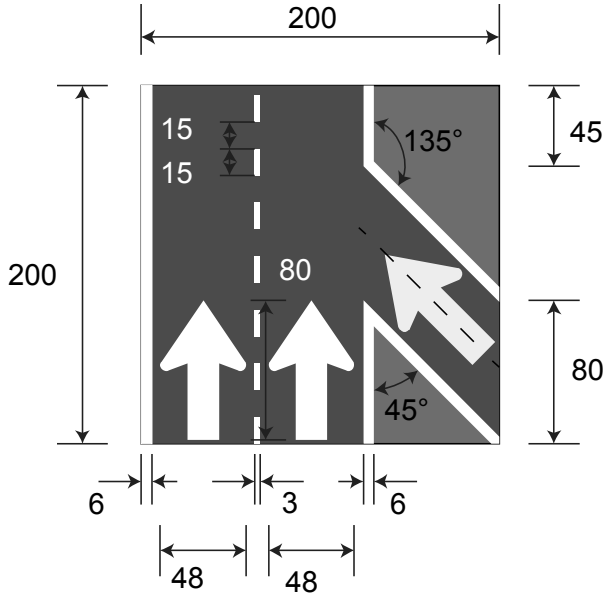

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Nền đường	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương		
Mũi tên	Trắng, vàng huỳnh quang		80 x 48	

P.20 Biển chỉ dẫn chướng ngại vật phía trước

Biển số IE.468a, b, c:

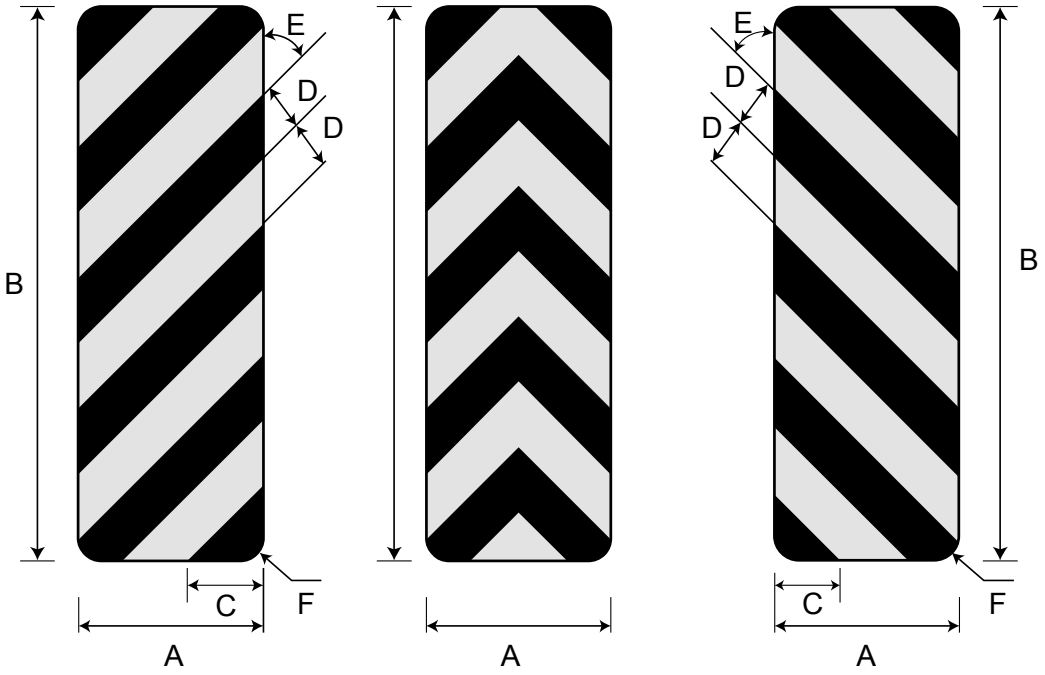

Biển số IE.468a **Biển số IE.468b** **Biển số IE.468c**

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

A	B	C	D	E	F
30	90	12,5	7,5	45°	1,6

P.21 Biển chỉ dẫn hướng rẽ

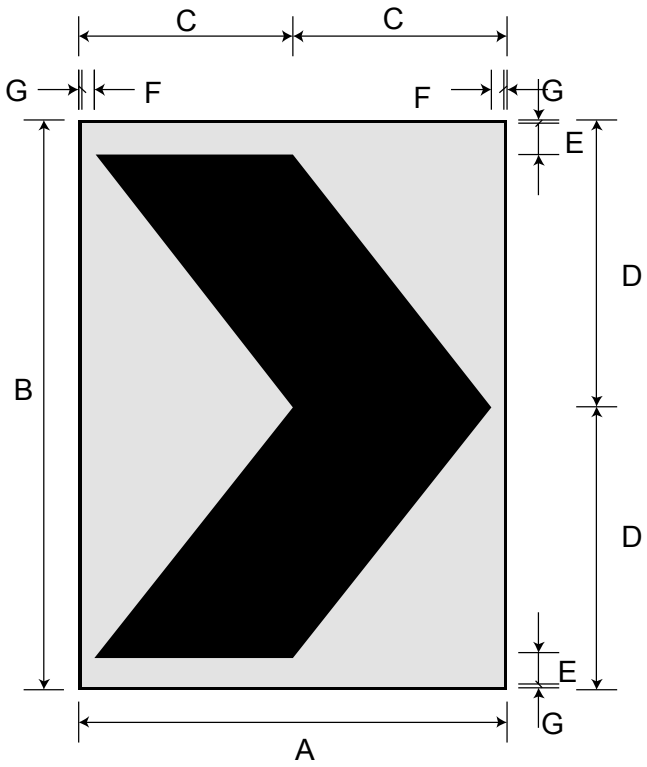

Biển số IE.469

Đơn vị: cm

Kích thước	A	B	C	D	E	F
Loại B	30	50	15	25	1,5	1,5
Loại A	60	80	30	40	2,0	2,0

P.22 Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp

Biển số IE.470

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu		Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương		gt2 Bề rộng 80% (spacing)	
Nền	Xanh lá cây				
Biểu tượng	Nền trắng, hình vẽ đen			75 x 75	

P.23 Biển chỉ dẫn giữ khoảng cách an toàn

Biển số IE.471

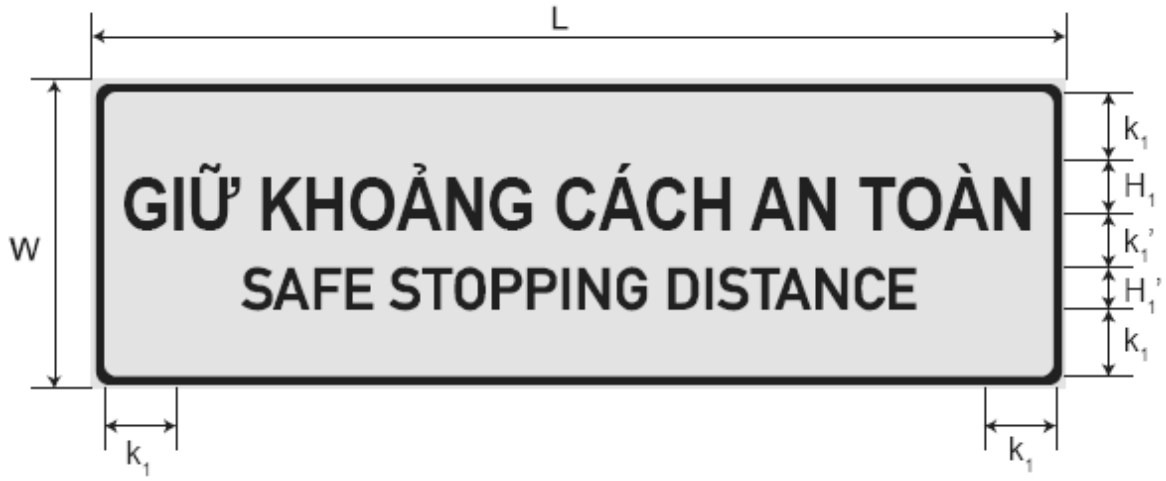

Ghi chú: $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$	
Nền	Vàng huỳnh quang			

P.24 Biển chỉ dẫn trạm thu phí

a) Biển số IE.472a:

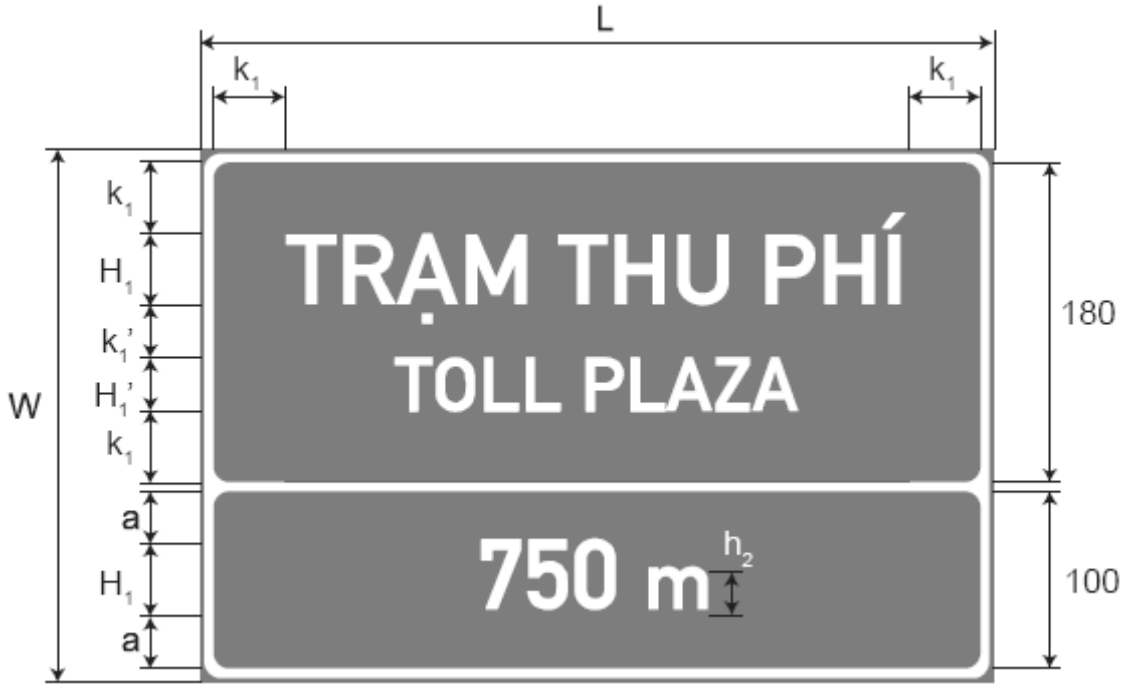

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa; $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$ $h_2 = 25$	
Nền	Xanh lá cây			

b) Biển số IE.472b: Trạm thu phí

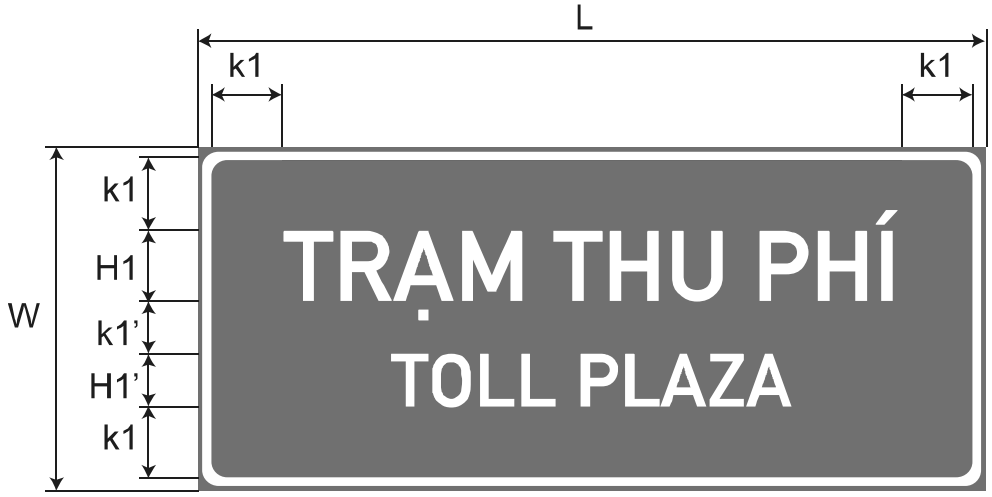

Ghi chú: $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$	
Nền	Xanh lá cây			

c) **Biển số IE.472c: Thu phí không dừng.**

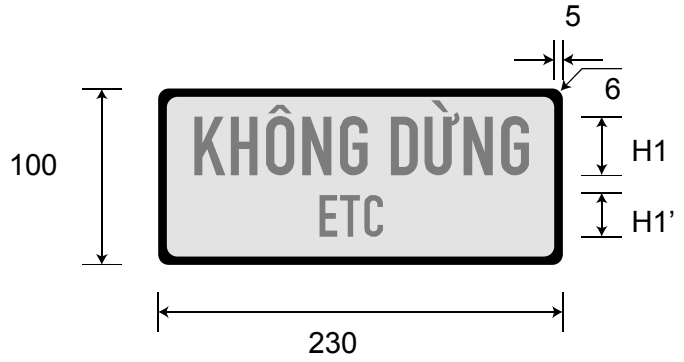

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Xanh lá cây	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt1 H_1 = 33 H_1' = 25	
Viền	Đen			
Nền	Vàng huỳnh quang			

d) **Biển số IE.472d: Rút thẻ**

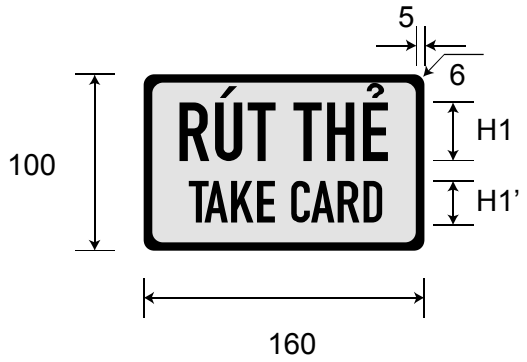

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt1 H_1 = 33 H_1' = 25	Đơn vị: mm
Nền	Vàng huỳnh quang			

e) **Biển số IE.472e: Thu phí**

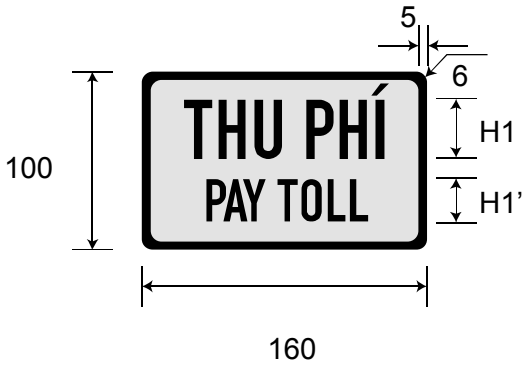

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt1 H_1 = 33 H_1' = 25	
Nền	Vàng huỳnh quang			

P.25 Biển chỉ dẫn giảm tốc độ

Biển số IE.473:

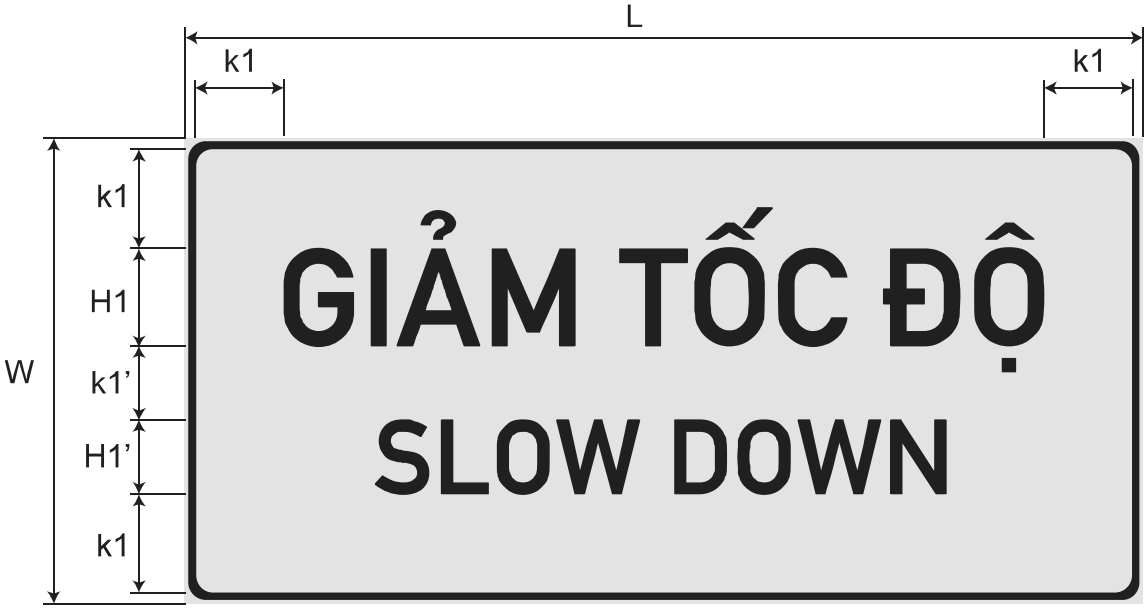

Ghi chú: $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$; L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Đen	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$	
Nền	Vàng huỳnh quang			

P.26 Biển chỉ dẫn lối ra

Biển số IE.474:

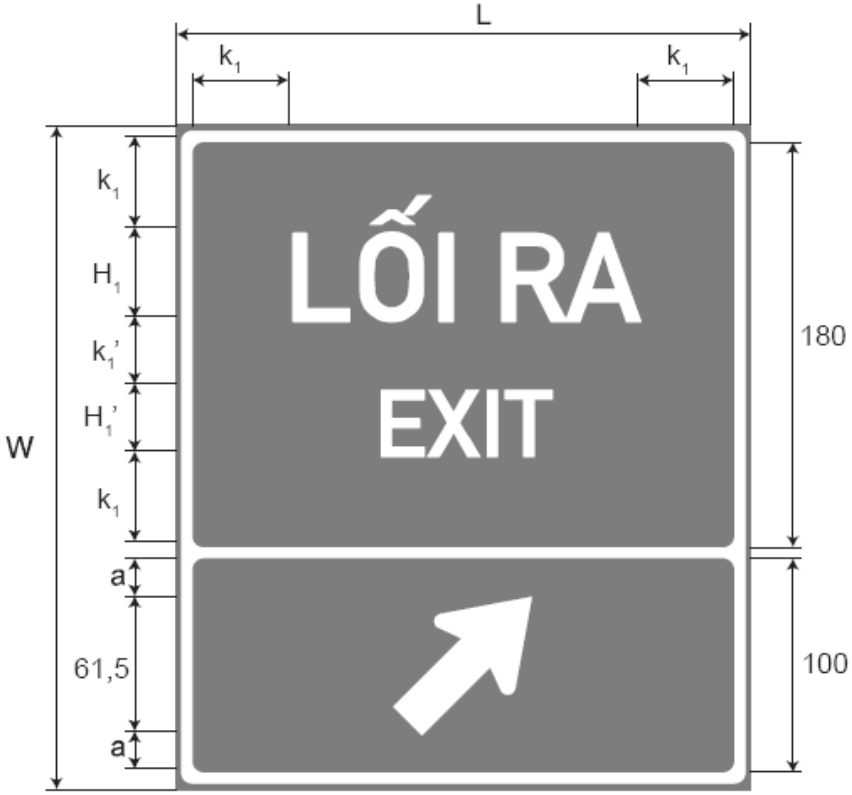

Ghi chú: a là khoảng cách căn giữa, $k_1 = H_1$; $k_1' = H_1'$;

L là chiều rộng biển; W là chiều cao biển.

Thông số kỹ thuật yêu cầu

Đơn vị: cm

Hạng mục	Màu sắc	Vật liệu	Kiểu chữ & Kích thước	Ghi chú
Chữ	Trắng	Màng phản quang loại VIII, IX, X cấu trúc kim cương	gt2 $k_1 = H_1 = 40$ $k_1' = H_1' = 30$	
Nền	Xanh lá cây			
Mũi tên	Trắng			